BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH – XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO[1]

Tên ngành**: Ngôn ngữ Anh**
Mã ngành**: 7220201**
Trình độ đào tạo**: Đại học**

PHẦN I
SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Lao động – Xã hội

Trường Đại học Lao động - Xã hội tiền thân từ Trường Trung học Lao động - Tiền lương thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thành lập năm 1961 có nhiệm vụ đào tạo cán bộ lao động tiền lương cho toàn miền Bắc. Năm 1991 Trường Trung học Lao động - Tiền lương hợp nhất với Trường Quản lý Cán bộ Thương binh - Xã hội lấy tên là Trường Cán bộ Lao động - Xã hội. Tháng 1/1997 Trường được Thủ tướng Chính phủ quyết định nâng cấp lên thành Trường Cao đẳng Lao động - Xã hội. Ngày 31/01/2005 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 26/2005/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Lao động - Xã hội.

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: University of Labor and Social Affairs
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: ULSA
- Cơ quan chủ quản: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
- Địa chỉ đào tạo: Số 43 đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; Số 1018 đường Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh; Phố Hữu Nghị, Phường Xuân Khanh, TX Sơn Tây, Hà Nội.
- Số điện thoại: 024. 35566176 Fax: 024.35566173
- Website: www.ulsa.edu.vn

Từ khi được thành lập đến nay, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo ở các bậc: tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng và trung cấp với nhiều loại hình đào tạo từ chính quy tập trung đến vừa làm vừa học. Trường đã từng bước hoàn chỉnh chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng, trung cấp và các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ngắn hạn.

Đến năm 2022, Nhà trường đã có kinh nghiệm 17 năm đào tạo bậc đại học, quy mô đào tạo đại học của Trường vào khoảng hơn 15.000 sinh viên. Hiện tại, Trường

[1] Đề án được đăng tải tại địa chỉ http://ulsa.edu.vn/NewsDetail.aspx?ID=2778

Đại học Lao động - Xã hội có 14 ngành đào tạo bậc đại học (Kế toán, Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Bảo hiểm, Luật, Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Tâm lý học, Kiểm toán, Công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin quản lý và ngành Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm - Tài chính, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành); 05 ngành đào tạo bậc thạc sĩ (Quản trị nhân lực, Kế toán, Công tác xã hội, Quản trị kinh doanh và Bảo hiểm); 01 ngành đào tạo bậc tiến sĩ (Quản trị nhân lực). Trường có 10 khoa (Kế toán, Công tác xã hội, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo hiểm, Quản trị kinh doanh, Luật, Kỹ thuật chỉnh hình, Lý luận chính trị, Ngoại ngữ, Giáo dục đại cương), có 07 phòng chức năng và 02 tổ chức phục vụ đào tạo. Trường đã đào tạo được 12 khóa đại học, với trên 20.000 cử nhân đại học và hàng chục ngàn cử nhân cao đẳng đã tốt nghiệp ra trường. Nhìn chung, kết quả đào tạo của trường đạt chất lượng tốt, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau một năm tốt nghiệp đạt trên 90%. Sinh viên tốt nghiệp của trường được các tổ chức và các doanh nghiệp đánh giá cao về năng lực làm việc.

Trường Đại học Lao động - Xã hội có trụ sở chính tại Hà Nội, cơ sở Sơn Tây và cơ sở II tại thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích khoảng gần 20 ha. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đầu tư đồng bộ và nâng cấp hằng năm. Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất, phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, phòng tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học đạt chuẩn. Hệ thống Thư viện có phòng đọc đảm bảo gần 400 chỗ ngồi, với hơn 100.000 đầu sách và hàng trăm loại báo chí chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học như: Sách về kế toán, tài chính- ngân hàng, kinh tế, kinh tế lao động, quản trị nhân lực, quản trị kinh doanh... sách tham khảo từ công trình nghiên cứu của các chuyên gia trong và ngoài nước, tạp chí kinh tế, luận án kinh tế và đề tài nghiên cứu khoa học, sách tin học hướng dẫn khai thác phần mềm phục vụ nghiệp vụ ngành. Hiện nay, thư viện Nhà trường đang thực hiện đề án Thư viện điện tử để nâng cấp thư viện và tăng cường khả năng, chất lượng khai thác thông tin cho sinh viên.

Về hoạt động nghiên cứu khoa học, trong giao đoạn 2017-2021, Trường Đại học Lao động - Xã hội đã thực hiện 433 đề tài, trong đó có 01 đề tài cấp Nhà nước và 19 đề tài cấp Bộ; Trường đã biên soạn, biên dịch được 217 giáo trình, tài liệu; Trường có 1110 bài đăng tạp chí, trong đó có 187 bài đăng tạp chí quốc tế (78 bài đăng đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scopus hoặc ISI); Trường có 1589 bài đăng kỷ yếu hội thảo, trong đó có 120 bài đăng kỷ yếu hội thảo quốc tế. Những công trình khoa học đã góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ, giảng viên trong Trường.

Về hoạt động hợp tác quốc tế, trong những năm qua, trường có quan hệ hợp tác với hơn 30 tổ chức và trường đại học trên thế giới như: Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF), Tổ chức Lao động thế giới (ILO), Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ Vì nhân dân châu Á - Thái Bình Dương (AFAP), Quỹ Quốc tế Singapore, các tổ chức: Action Aid, CIDA (Canada), Caritas (Đức), WWO (Hoa Kỳ), CFSI; Trường Đại học Memorial (Canada), Đại học Phụ nữ Philipin... Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào

tạo cho phép hợp tác đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị nhân lực với trường đại học Limkokwing của Malaysia; tham gia nhiều dự án hợp tác, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lao động do chính phủ và một số tổ chức quốc tế tài trợ như dự án SIIR về quan hệ lao động, dự án Canada pha 2 về tăng cường năng lực cho giảm nghèo thông qua đào tạo… Các dự án tài trợ, hợp tác quốc tế đã mang lại nhiều cơ hội cho Nhà trường và góp phần nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ giảng viên trong việc học tập, giảng dạy, nghiên cứu, các hoạt động thực tiễn… Cũng từ đó, vị thế của Trường Đại học Lao động - Xã hội cũng từng bước được nâng cao.

Trong 60 năm qua trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba, Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba và nhiều phần thưởng cao quí khác

2. Giới thiệu về đơn vị chuyên môn quản lý đào tạo

Khoa Ngoại ngữ có 34 giảng viên, trong đó có 03 tiến sĩ, 31 thạc sĩ. Hầu hết các giảng viên có chuyên môn đúng ngành Ngôn ngữ Anh ở bậc đại học, thạc sĩ và tiến sĩ. Các giảng viên của khoa đều được đào tạo bài bản, tốt nghiệp các trường Đại học Sư phạm ngoại ngữ và Đại học ngoại ngữ, hoàn thành khóa học về lý luận và phương pháp giảng dạy đại học, có nghiệp vụ sư phạm, chuyên môn vững vàng.

3. Tính cấp thiết của việc mở ngành Ngôn ngữ Anh

3.1. Sự phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo

Trường Đại học Lao động - Xã hội là trường đại học hàng đầu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Ngày 05/5/2016, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ký Quyết định số 565/QĐ-ĐHLĐXH phê duyệt quy hoạch phát triển Trường Đại học Lao động - Xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Định hướng phát triển trong Quyết định nêu rõ Trường Đại học Lao động - Xã hội cần phát triển đào tạo đa cấp trình độ, lĩnh vực, ngành nghề, hình thức. Vì vậy, Trường Đại học Lao động - Xã hội lập đề án đăng ký mở ngành đào tạo Ngôn ngữ Anh là cần thiết và phù hợp với quy hoạch phát triển của Trường đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt.

Tầm nhìn đến năm 2030, Trường Đại học Lao động - Xã hội sẽ trở thành trường Đại học hàng đầu Việt Nam trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao thuộc lĩnh vực lao động - xã hội nói riêng, và khoa học xã hội nói chung; trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế có uy tín trong khu vực ASEAN. Bên cạnh đó, sứ mệnh của trường cũng xác định rõ Trường Đại học Lao động - Xã hội là cơ sở giáo dục đại học công lập duy nhất của ngành LĐTBXH trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao theo định hướng ứng dụng; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kinh tế - lao động - xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển của Ngành, đất nước và hội nhập quốc tế.

Với tầm nhìn và sứ mệnh trên thì việc đào tạo nguồn lực phù hợp với nhu cầu phát triển của thị trường và thời đại là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Chính vì vậy, việc

Trường Đại học Lao động - Xã hội đào tạo nguồn lực ngành Ngôn ngữ Anh là hoàn toàn phù hợp với các mục tiêu và chiến lược phát triển của Trường, của quốc gia, tạo nên một hệ thống ngành đào tạo đa dạng trong khối ngành Khoa học xã hội.

Qua ra soát về năng lực giảng viên, cở sở vật chất, kỹ thuật và tài liệu phục vụ đào tạo, Trường Đại học Lao động - Xã hội tiến hành xây dựng đề án mở ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học là phù hợp với năng lực và chiến lược phát triển của nhà Trường.

3.2. Sự phù hợp về nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia

Trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc sử dụng thành thạo ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, thực sự quan trọng và cần thiết đối với bất cứ ngành nghề, lĩnh vực nào. Việt Nam đã là thành viên của các tổ chức kinh tế quốc tế như WTO, ASEAN, APECT... Điều này đặt ra cho nguồn nhân lực Việt Nam không chỉ giỏi kiến thức chuyên môn mà cần thông thạo ngoại ngữ. Đặc biệt, các nước ASEAN đã ký thỏa thuận (MRA) với 8 lĩnh vực ngành nghề nhằm thừa nhận lẫn nhau về bằng cấp và trình độ của lao động có kỹ năng, thúc đẩy lao động có tay nghề được dịch chuyển tự do.

Hiện nay, mặc dù số lượng các trường đại học đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh khá lớn, số lượng cũng như chất lượng nguồn nhân lực được đào tạo vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của xã hội. Nguồn nhân lực vừa có chuyên môn tốt vừa giỏi ngoại ngữ vẫn còn thiếu hụt. Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh có thể làm công việc biên-phiên dịch trong các cơ quan, tổ chức; thư ký, trợ lý trong các doanh nghiệp, nghiên cứu viên ở các viện nghiên cứu; giáo viên giảng dạy tiếng Anh tại các trường học hoặc trung tâm ngoại ngữ; hướng dẫn viên và nhân viên tại các công ty du lịch...

Hà Nội hiện là thành phố thu hút nhiều vốn đầu từ nước ngoài với khoảng 267.293 doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực (Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội năm 2021). Các doanh nghiệp FDI đang cần một lực lượng lao động lớn có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh để đảm nhận các công việc như giao dịch, văn phòng, biên-phiên dịch được xếp là ngành nghề "có tầm nhìn sáng" và được kỳ vọng sẽ phát triển nhanh hơn mức trung bình cho đến năm 2024.

Với sứ mạng, mục tiêu đào tạo theo định hướng ứng dụng, chương trình đạo tạo ngành Ngôn ngữ Anh của trường Đại học Lao động - Xã hội được xây dựng theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp cho sinh viên. Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn để sinh viên có thể đảm nhiệm các vị trí việc làm khác nhau thuộc ngành Ngôn ngữ Anh.

Với những lý do trên, đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh thực sự cần thiết để đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, khu vực, quốc gia.

3.3. Kết quả khảo sát nhu cầu của người học

Kết quả khảo sát tại ngày hội tư vấn tuyển sinh của các trường Đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội trong 3 năm gần đây cho thấy ngành Ngôn ngữ Anh luôn là một trong 6 ngành thí sinh muốn theo học nhất. Chúng tôi cũng đã tiến hành khảo sát sinh viên trường Đại học Lao động - Xã hội, kết quả cho thấy hơn 90% sinh viên được khảo sát mong muốn được học song bằng hoặc văn bằng 2 ngành Ngôn ngữ Anh. Đây cũng là xu hướng chung của các trường Đại học tiên tiến trên thế giới, trong đó có các trường Đại học hàng đầu của Việt Nam như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Bách khoa Hà Nội...

Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh có việc làm sau khi tốt nghiệp rất cao. Kết quả khảo sát một số trường Đại học cho thấy hơn 90% sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh có việc làm phù hợp với chuyên môn được đào tạo sau khi tốt nghiệp. Kết quả này thể hiện trên websites của các trường Đại học như Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Hà Nội, Đại học Ngoại thương, Học viện Ngân hàng, Đại học Thương mại, Trường Ngoại ngữ - Đại học Thái Nguyên, Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, Đại Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Tây Nguyên...

3.4. Kết quả khảo sát nhu cầu sử dụng lao động đối với sinh viên tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh

Hội nhập quốc tế sâu rộng đặt ra nhu cầu sử dụng nhân lực biên-phiên dịch trong hầu hết các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh có nhiều cơ hội việc làm tại các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, các tập đoàn/doanh nghiệp trong và ngoài nước, các trường học, trung tâm ngoại ngữ...

Tính đến năm 2021, số lượng văn phòng đại diện nước ngoài đặt ở Việt Nam đã lên tới con số hơn 1000; số doanh nghiệp FDI là 16.878 doanh nghiệp (chiếm khoảng 2,7% số doanh nghiệp cả nước). Đây là những doanh nghiệp cần nhiều nhân lực có năng lực ngoại ngữ. Ngoài ra, có trên 625.000 doanh nghiệp và một hệ thống lớn các cơ quan nhà nước đang thiếu nhân lực biên-phiên dịch. Kết quả khảo sát các doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh lực dịch vụ du lịch, công nghệ thông tin, thương mại, kinh tế... trên địa bàn thành phố Hà Nội cho thấy 100% doanh nghiệp cần nhân viên sử dụng thành thạo tiếng Anh để mở rộng giao dịch, hợp đồng với các đối tác nước ngoài.

Theo thống kê của Tổng cục Du lịch, mỗi năm ngành du lịch cần thêm gần 40.000 lao động nhưng sinh viên, học viên chuyên ngành ra trường chỉ khoảng 15.000 người/năm. Nhân lực du lịch sử dụng được ngoại ngữ đạt khoảng 60%, trong đó biết tiếng Anh khoảng 42% và chỉ có 15% giao tiếp thông thạo và 85% còn lại giao tiếp ở mức hạn chế. Báo cáo của Tổng cục du lịch Việt Nam năm 2019 cho thấy số lượng hướng dẫn viên du lịch chỉ đáp ứng 15% nhu cầu khách trong nước và 40% nhu cầu khách quốc tế.

Trong nhiều năm gần đây, giáo viên giảng dạy tiếng Anh tại các trường học và các trung tâm ngoại ngữ thiếu hụt trầm trọng. Theo Báo Tiền Phong điện tử đăng ngày 15/1/2021, nhiều địa phương trong cả nước thiếu giáo viên tiếng Anh. Hầu hết các Sở

giáo dục và đào tạo và Phòng Giáo dục và đào tạo có biên chế nhưng không tuyển được giáo viên tiếng Anh. Theo thống kê của Bộ GD&ĐT năm 2021, so với số lượng giáo viên hiện có, cấp tiểu học thiếu khoảng hơn 5.000 giáo viên Ngoại ngữ.

Kết luận

Việc xây dựng đề án mở ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học của trường Đại học Lao động - Xã hội phù hợp với năng lực và chiến lược phát triển của trường, phù hợp với xu thế toàn cầu, đáp ứng nhu cầu người học và nhu cầu nhân lực của xã hội.

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của trường Đại học Lao động - Xã hội trang bị cho sinh viên kiến thức toàn diện về Ngôn ngữ Anh; nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội; có kỹ năng giao tiếp tiếng Anh thành thạo; có nghiệp vụ biên-phiên dịch; có phương pháp giảng dạy tiếng Anh; có năng lực học tập và nghiên cứu ở bậc học cao hơn; có năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ cơ bản; có khẳng năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết các công việc chuyên môn thuộc ngành Ngôn ngữ Anh.

PHẦN II
ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Năng lực của Trường Đại học Lao động - Xã hội

Trường Đại học Lao động - Xã hội hiện có 665 công chức, viên chức và người lao động, trong đó gần 500 giảng viên có trình độ sau đại học và đang học sau đại học. Cụ thể, Trường có 07 phó giáo sư; 136 tiến sĩ; gần 30 người đang theo học nghiên cứu sinh; 371 người có trình độ thạc sĩ; số còn lại đang theo học thạc sĩ trong và ngoài nước.

1.1. Giảng viên cơ hữu ngành Ngôn ngữ Anh

Để tổ chức đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, Trường Đại học Lao động - Xã hội bố trí 67 giảng viên cơ hữu giảng dạy các học phần thuộc trong chương trình đào tạo, trong đó có 34 giảng viên của khoa Ngoại ngữ. Đội ngũ giảng viên cơ hữu chủ trì mở ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học cụ thể tại Bảng 1.

Bảng 1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu chủ trì mở ngành Ngôn ngữ Anh

TT	Họ và tên	Năm sinh	Học hàm, học vị	Năm tốt nghiệp	Nước tốt nghiệp	Chuyên ngành	Ghi chú
1	Lý Ngọc Toàn	1975	Tiến sỹ	2021	Việt Nam	Ngôn Ngữ Anh	
2	Nguyễn Thị Việt Hoa	1968	Thạc sỹ	2015	Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	
3	Nguyễn Thị Thanh Hương	1974	Thạc sỹ	2007	Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Học hàm, học vị	Năm tốt nghiệp	Nước tốt nghiệp	Chuyên ngành	Ghi chú
4	Trịnh Thị Thủy	1980	Thạc sỹ	2005	Việt Nam	Lý luận và phương pháp dạy học Tiếng Anh	
6	Kiều Linh	1977	Thạc sỹ	2011	Việt Nam	Quan hệ Quốc tế (Tiếng Anh)	
7	Hoàng Thị Hiền	1978	Thạc sỹ	2009	Việt Nam	Lý luận và phương pháp dạy học Tiếng Anh	
8	Lê Thị Thu Thủy	1981	Thạc sỹ Thạc sỹ	2018 2012	Việt Nam Philippine	Ngôn ngữ Anh Quản trị kinh doanh	
9	Phan Thị Thanh Tâm	1979	Thạc sỹ	2005	Việt Nam	Ngôn Ngữ Anh	
10	Trương Thị Tuyết Hạnh	1978	Thạc sỹ	2008 2013	Việt Nam Việt Nam	Quản lý giáo dục Phương pháp dạy học Tiếng Anh	
11	Nguyễn Thị Lan Anh	1976	Thạc sỹ	2009	Việt Nam	Lý luận và Phương pháp dạy học Tiếng Anh	
12	Chử Mai Lan	1978	Thạc sỹ	2014	Việt Nam	Lý luận và Phương pháp dạy học Tiếng Anh	
13	Trương Thị Thúy	1982	Thạc sỹ	2012	Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	
14	Nguyễn Thị Hoa	1977	Thạc sỹ	2013	Việt Nam	Ngôn Ngữ Anh	
15	Trần Thị Thu Hương	1976	Thạc sỹ	2014	Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Học hàm, học vị	Năm tốt nghiệp	Nước tốt nghiệp	Chuyên ngành	Ghi chú
16	Đàm Thị Lan Hương	1982	Thạc sỹ	2010	Việt Nam	Lý luận và Phương pháp dạy học Tiếng Anh	
17	Phạm Thị Liễu	1978	Thạc sỹ		Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	
18	Cao Sơn Hùng	1975	Thạc sỹ	2011	Việt Nam	Lý luận và Phương pháp dạy học Tiếng Anh	
19	Nguyễn Thị Minh Huyền	1978	Thạc sỹ	2017	Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	
20	Cao Thị Huyền Nga	1987	Thạc sỹ	2011	Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	
21	Lại Minh Thư	1985	Thạc sỹ	2015	Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	
22	Trần Thị Huyền	1987	Thạc sỹ	2014	Việt Nam	Phương Pháp giảng dạy Tiếng Anh	
23	Trần Thị Thu Hằng	1974	Thạc sỹ	1996	Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	
24	Đào Thị Thu Hương	1981	Thạc sỹ	2009	Việt Nam	Lý luận và Phương pháp dạy học Tiếng Anh	
25	Nguyễn Thị Thu Thủy	1987	Thạc sỹ	2014	Việt Nam	Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	
26	Phạm Thị Hồng Hạnh	1978	Thạc sỹ	2009	Việt Nam	Ngôn Ngữ Anh	
27	Nguyễn Thị Thu Hà	1968	Thạc sỹ	2006	Việt Nam	Ngôn Ngữ Anh	
28	Hoàng Cao Thiện	1976	Thạc sỹ	2009	Úc	TESOL	
29	Nguyễn Thị Ngọc Uyển	1975	Thạc sỹ	2011	Úc	TESOL	
30	Nguyễn Tất Hiệp	1984	Thạc sỹ	2017	Việt Nam	TESOL	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Học hàm, học vị	Năm tốt nghiệp	Nước tốt nghiệp	Chuyên ngành	Ghi chú
31	Phan Thị Quỳnh Trang	1979	Thạc sỹ	2012	Úc	TESOL	
32	Nguyễn Thị Thiên Phương	1978	Thạc sỹ	2011	Úc	TESOL	
33							
34							

1.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình phục vụ đào tạo

Trường Đại học Lao động - Xã hội có 03 cơ sở đào tạo: Trụ sở chính tại Hà Nội, cơ sở Sơn Tây và cơ sở II Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích khoảng gần 20 ha. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đầu tư đồng bộ và nâng cấp hằng năm. Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất, phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, phòng tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học đạt chuẩn. Hiện nay tại 3 cơ sở trường có 155 phòng học lý thuyết với diện tích trung bình từ 80 đến 100m2, 16 phòng thực hành các loại, 16 phòng máy tính với tổng số gần 700 máy tính được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ cho việc dạy và học. Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất, phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo các học phần chuyên ngành của ngành Ngôn ngữ Anh, cụ thể như sau:

Bảng 2. Thống kê cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)	Học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	216	25.522	Sử dụng chung cho tất cả các học phần		
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	18	6.360			
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	26	6.310			
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	73	7.040			
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	15	630			
1.5	Số phòng học đa phương tiện	20	1.510			
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	64	4.672			

2	Thư viện, trung tâm học liệu	6	1.992			
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	32	3.702			

Bảng 3. Thống kê trang thiết bị hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập của trường

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/ máy, thiết bị	Ghi chú
STT	**Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng**	**Nước sản xuất, năm sản xuất**	**Số lượng**	**Đơn vị**				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
I	**Thiết bị phòng máy tính**	**Số phòng**	**10**					
1	**Máy tính**		**400**		Các học phần tin học cơ bản 1, Tin học cơ bản 2; Thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính	Tất cả các kỳ	1 người/ 1 máy tính	
1.1	Máy tính FPT	2015	82	Bộ				
1.2	Máy tính FPT	2017	76	Bộ				
1.3	Máy tính FPT	2021	154	Bộ				
1.4	Máy tính Acer	2018	25	Bộ				
1.5	Máy tính Acer	2019	63	Bộ				
2	**Điều hòa**		**12**					
2.1	Điều hòa Daikin 44.500BTU	2003	8	Bộ				
2.2	Điều hòa 18.000BTU	2013	4	Bộ				
3	**Máy chiếu**		**12**					
3.1	Máy chiếu Hitachi	2015	1	cái				
3.2	Máy chiếu Sony	2021	7	cái				
3.3	Máy chiếu Epson EB-2042	2018	4	Cái				
4	**Màn chiếu**		**8**					
4.1	Màn chiếu	2020	1	cái				
4.2	Màn chiếu	2021	5	cái				
4.3	Màn chiếu	2013	1	cái				
4.5	Màn chiếu	2006	1	cái				
5	**Bảng**		**10**					
5.1	Bảng	2003	8	cái				

5.2	Bảng	2005	1	cái				
5.3	Bảng	2008	1	cái				
6	**Bàn máy tính giáo viên**		**10**					
6.1	Bàn máy tính giáo viên	2005	2	cái				
6.2	Bàn máy tính giáo viên	2006	2	cái				
6.3	Bàn máy tính giáo viên	2008	1	cái				
6.4	Bàn máy tính giáo viên	2009	1	cái				
6.5	Bàn máy tính giáo viên	2013	4	cái				
7	**Bàn máy tính học viên**		**415**					
7.1	Bàn máy tính học viên	2005	120	cái				
7.2	Bàn máy tính học viên	2006	70	cái				
7.3	Bàn máy tính học viên	2008	75	cái				
7.4	Bàn máy tính học viên	2013	150	cái				
8	**Ghế học viên**		**414**					
8.1	Ghế học viên	2003	86	cái				
8.2	Ghế học viên	2006	95	cái				
8.3	Ghế học viên	2008	83	cái				
8.4	Ghế học viên	2013	150	cái				
9	**Quạt**		**42**					
9.1	Quạt treo tường	2005	5	cái				
9.2	Quạt treo tường	2008	5	cái				
9.3	Quạt trần	2003	32	cái				
II	**Phòng ngoại ngữ**	**Số phòng**	**5**					
1	**Máy tính giao viên Dell**		**5**		Các học phần tiếng Anh	Tất cả các kỳ	1 người/ 1 bộ tai nghe	
1.1	Máy tính giao viên Dell	2020	3	Bộ				
1.2	Máy tính giao viên Dell	2021	2	Bộ				
2	**Máy tính học viên Dell**		**175**					
2.1	Máy tính học viên Dell	2020	105	Bộ				
2.2	Máy tính học viên Dell	2021	70	Bộ				
3	**Bộ tai nghe và micro chuyên dụng phòng lap SC2500 HS4C**		**180**					
3.1	Bộ tai nghe và micro chuyên dụng phòng lap SC2500 HS4C	2020	108	Bộ				

3.2	Bộ tai nghe và micro chuyên dụng phòng lap SC2500 HS4C	2021	72	Bộ				
4	**Máy chiếu Sony VPL-EX433**		**5**					
4.1	Máy chiếu Sony VPL-EX433	2020	3	Cái				
4.2	Máy chiếu Sony VPL-EX433	2021	2	Cái				
5	**Màn chiếu P96ES**		**5**					
5.1	Màn chiếu P96ES	2020	3	Cái				
5.2	Màn chiếu P96ES	2021	2	Cái				
6	**Máy in HP - M227sdn**		**2**					
	Máy in HP - M227sdn	2020	2	Cái				
7	**Amply liền vang OBTPA- LA2700**		**5**					
7.1	Amply liền vang OBTPA- LA2700	2020	3	Bộ				
7.2	Amply liền vang OBTPA- LA2700	2021	2	Bộ				
8	**Loa**		**5**					
8.1	Loa	2020	3	Cái				
8.2	Loa	2021	2	Cái				
9	**Bảng**		**5**					
9.1	Bảng	2003	3	Cái				
9.2	Bảng	2003	2	Cái				
10	**Bàn ghế giáo viên**		**5**					
10.1	Bàn ghế giáo viên	2020	3	Bộ				
10.2	Bàn ghế giáo viên	2021	2	Bộ				
11	**Bàn ghế học viên**		**175**					
11.1	Bàn ghế học viên	2020	105	Bộ				
11.2	Bàn ghế học viên	2021	70	Bộ				
12	**Điều hòa Daikin FTKC71UVMV24,000 BTU**		**5**					
12.1	Điều hòa Daikin FTKC71UVMV24,000 BTU	2020	3	Bộ				
12.2	Điều hòa Daikin	2021	2	Bộ				

	FTKC71UVMV24,000 BTU							
13	**Tủ rach lắp đặt thiết bị 3C-RT10B06**		**5**					
13.1	Tủ rach lắp đặt thiết bị 3C-RT10B06	2020	3	Cái				
13.2	Tủ rach lắp đặt thiết bị 3C-RT10B06	2021	2	Cái				
14	**Phần mềm**		**360**					
14.1	Phần mềm Robotel - Smartclass+5.0	2020	108	Bộ				
14.2	Phần mềm Robotel - Smartclass+5.0	2021	72	Bộ				
14.3	Phần mềm hỗ trợ làm bài tập tại nhà	2020	108	Bộ				
14.4	Phần mềm hỗ trợ làm bài tập tại nhà	2021	72	Bộ				

Thư viện truyền thống của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại 3 cơ sở có phòng đọc đảm bảo 1500 chỗ ngồi, với hơn 10.000 đầu sách và hàng trăm loại báo chí chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Hiện tại, tất cả các học phần trong 14 ngành đào tạo trình độ đại học hiện hành của Trường đều có đầy đủ tài liệu học tập. Hiện nay, chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh đang xây dựng nên chưa có danh sách cuối cùng về giáo trình, tài liệu của các ngôn chuyên ngành, Vì vậy, đối với những học phần mới thuộc ngành ngôn ngữ Anh, Trường cam kết sẽ trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập trước khi mở ngành.

Hiện nay, Trường Đại học Lao động đã có thư viện điện tử để phục vụ cho giảng viên và người học tra cứu tài liệu. Đồng thời, Trường đã có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế về sách, tạp chí khoa học đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo liên quan đến các ngành đào tạo của Trường, trong đó có ngành Ngôn ngữ Anh. Các cơ sở dữ liệu Trường có bản quyền truy cập như sau:

- Tài khoản học liệu trực tuyến ED (English Discovery): 180 tài khoản

- Dự án Thư viện điện tử dung chung Khối ngành kinh tế - quản trị kinh doanh do Trường Đại học KTQD làm đầu mối CSDL sách điện tử đa ngành IG Publishing Ebooks collection; CSDL sách điện tử chuyên ngành kinh tế spingger Ebooks collection Emarald jourals collection; CSDL tạp chí điện tử đa ngành SAGE e-journal collection.

- Học liệu về đào tạo kiến thức và kỹ năng trong lĩnh vực quản trị - kinh doanh - tài chính - kế toán trên toàn thế giới: https://www.testportal.net/

- Học liệu của Viện Kế toán công chứng Anh và Xứ Wales: https://my.icaew.com/security

Bảng 4. Danh mục giáo trình, tài liệu của ngành Ngôn ngữ Anh

TT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(8)
1	Dẫn luận ngôn ngữ (Giáo trình)	Nguyễn Thiện Giáp, Đoàn Thiện Thuật & Nguyễn Minh Thuyết	Nxb Giáo dục Việt Nam, 2008, Việt Nam	
2	Xác lập cơ sở lí thuyết cho việc biên soạn cú pháp tiếng Việt	Nguyễn Văn Hiệp	Nxb Khoa học xã hội, 2021, Việt Nam	
3	Aspects of Language	EIIEM University	EIIEM University, 2022, Ấn Độ	
4	Tiếng Việt thực hành (Giáo trình)	Bùi Minh Toán, Lê A & Đỗ Việt Hùng	Nxb Giáo dục Việt Nam, 2015, Việt Nam	
5	Tiếng Việt thực hành nâng cao	Lê Văn Tấn & Nguyễn Thị Hồng Ngân	Nxb Khoa học xã hội, 2014, Việt Nam	
6	Ngữ pháp tiếng Việt	Diệp Quang Ban	Nxb Giáo dục, 2005, Việt Nam	
7	Tiếng Việt cao cấp	Lê Văn Tấn, Nguyễn Thị Hưởng & Vũ Ngọc Dung	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020, Việt Nam	
8	English and American Literature (Student Handbook) (Giáo trình)	Patrick J. M. Quinn	The Open University, 2017, Hy Lạp	
9	A History of English Literature	Michael Alexander	Macmillan Press Ltd, 2000, Anh Quốc	

TT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
10	Intercultural Communication in Contexts (Eighth Edition) (Giáo trình)	Judith N. Martin	McGraw-Hill Higher Education, 2022, Mỹ	
11	Một số vấn đề giao tiếp nội văn hóa và giao văn hóa	Nguyễn Quang	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004, Việt Nam	
12	Tìm hiểu mối liên hệ Ngôn ngữ - Văn hóa	Nguyễn Văn Độ	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004, Việt Nam	
13	Contrastive Linguistics (Giáo trình)	Pan Wenguo & Tham Wai Mun	British Library Cataloguing-in-Publication Data, 2007, Anh Quốc	
14	DẪN LUẬN NGÔN NGỮ ĐỐI CHIẾU	Prof. Dr. TRAN VAN PHUOC	Vietnam National University Press, 2018, Việt Nam	
15	Ngôn ngữ học đối chiếu: Cú pháp tiếng Anh và tiếng Việt	Trần Hữu Mạnh	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007, Việt Nam	
16	Contrastive Ânalysis	Carl James	Longman, 1980, Mỹ	
17	Đối chiếu hành vi cảm ơn và hồi đáp cảm ơn trong tiếng Anh và tiếng Việt	Đỗ Thị Thúy Vân	Nxb Khoa học xã hội, 2020, Việt Nam	
18	Discourse analysis	Võ Đại Quang	ĐHQGHN	
19	Introduction to Discourse Analysis	Hoàng Văn Vân	GD	
20	Discourse Analysis for Language Teachers	Michael McCarthy	Cambridge University Press, 1999. Anh Quốc	
21	Background to English-Speaking Countries (Giáo trình)	Richard Musman	Macmilan Pubishers, 1985, Mỹ	
22	An Introduction to Language (Giáo trình)	Victoria Fromkin. Robert Roddman. Nina Hyams	University of California, Los Angeles	

TT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
23	Language: Its Structure and Use (Fourth Edition)	Alan Davies	Wadsword, 2004, Mỹ	
24	Reseach Applied Linguistics cognitive	Edited by Bill Vanpatten and Jessica Willams	Edinburgh University Press Ltd, 2007, Scotland	
25	Cambridge Books for Cambridge Exams: Preliminary Test 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7	University of Cambridge	Cambridge University Press, 2009, Anh Quốc	
26	A Preparation for the English Tests (CEFR Level B1)	Đặng Nguyên Giang & Nguyễn Nhân Ái	National Political Publishing House, 2017, Việt Nam	
27	Cambridge First Certificate Examination Practice 1, 2, 3, 4, 5	University of Cambridge	Cambridge University Press, 2000, Anh Quốc	
28	Cambridge IELTS 7-11 (Giáo trình)	University of Cambridge	Cambridge University Press, 2009, Anh Quốc	
29	Writing Power (Second Edition)	Nancy White	Nxb Trẻ, 2003, Việt Nam	
30	Focus on IELTS	Sue O'Connell (Lê Huy Lâm giới thiệu và chú giải	Nxb Thành Phố Hồ Chí Minh, 2002, Việt Nam	
31	Cambridge IELTS 12-15 (Giáo trình)	University of Cambridge	Cambridge University Press, 2009, Anh Quốc	
32	Model Tests for the IELTS	First News (Vũ Tài Hoa & Nguyễn Văn Phước giới thiệu)	Nxb Trẻ, 2004, Việt Nam	
33	Writers at Work	Dorothy E. Zemach & Lynn Stafford-Yilmaz	Cambridge University Press, 2008, Anh Quốc	

TT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
34	Writing Academic English (Giáo trình)	Alice Oshima & Ann Hogue (Fourth Edition)	Pearson, 2006, Mỹ	
35	Academic Writing: A Hand Book for International Students (Third Edition)	Stephen Bailey	Routledge, 2011, Mỹ	
36	GREAT Writing:	KAITH S. FOLSE	University Of Central Florida	
37	A Practical English Grammar (Fourth Edition) + Exercises (Giáo trình)	A.J. Thomson & AV. Martinet	Nxb Văn hóa thông tin (Giới thiệu), 2012, Việt Nam	
38	Student Grammar of Spoken and Written English	Doughlas Biber, Susan Conrad & Geoffrey Leech	Nxb Hải Phòng (Giới thiệu), 2009, Việt Nam	
39	Oxford Guide to English Grammar	John Eastwood	Oxford University Press, 1997, Anh Quốc	
40	English Phonetics and Phonology (Giáo trình)	Peter Road (Dịch và chú giải Đặng Lâm Hùng & Đặng Tuấn Anh)	Nxb Trẻ, 2008, Việt Nam	
41	Ngữ điệu tiếng Anh ở người Việt (English Intonation by the Vietnamese)	Nguyễn Huy Kỷ	Nxb Văn hóa – Thông tin, 2006, Việt Nam	
42	Cách phát âm và đánh dấu trọng âm tiếng Anh	Xuân Bá	Nxb Giáo dục Hà Nội, 2007, Việt Nam	
43	English Words	Francis Katamba	ROUTLEDGE	
44	A Course in Modern English Lexicology (Second Edition) (Giáo trình)	R. S. Ginzburg , S. S. Khidekel, G. Y. Knyazeva, A. A. Sankin	Comenius University Bratisnava, 1979, Nga	

TT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
45	Translation: Theory and Practice (Giáo trình)	Hoàng Văn Vân	Nxb Giáo dục, 2006, Việt Nam	
46	Nghiên cứu dịch thuật	Hoàng Văn Vân	Nxb Khoa học xã hội, 2005, Việt Nam	
47	Phê bình đánh giá dịch thuật: Một số vấn đề lý luận cơ bản và thực tiễn dịch thuật Anh – Việt	Lê Hùng Tiến	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018, Việt Nam	
48	A Textbook of Translation	Peter Newmark	Prentice Hall, 1988, Mỹ	
49	Introducing Translation Studies: Theories and Applications (Fourth Edition)	Jeremy Munday	Routledge, 2016, Mỹ	
50	Presenting in English: How to Give Successful Presentations (Giáo trình)	Mark Powell	Thomson Corporation, 2002, Mỹ	
51	English Presentation Skills	Marion Grussendorf	OXFORD University Press	
52	English as a global language (Second Edition) (Giáo trình)	David Crystal	Cambridge University Press, 2003, Anh Quốc	
53	Global Englishes	Jennifer Jenkins	Routledge, 2002, Mỹ	
54	A Course in Language Teaching Practice and Theory	Series Editors: Marion Williams and Tony Wright	CambridgeTEACHER TRAINING AND DEVELOPMENT	

TT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
55	Teaching by Principles: An Interactive Approach to Language Pedagogy (Second Edition)	H. Douglas Brown	San Francisco State University, 2007, Mỹ	
56	Thể loại: Dẫn nhập lịch sử, lí thuyết, nghiên cứu và phương pháp giảng dạy	Anis S. Bawarshi & Mary Jo Reiff (Hoàng Văn Vân dịch)	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020, Việt Nam	
57	Dạy tiếng Anh không chuyên ở các trường Đại học ở Việt Nam: Những vấn đề lí luận và thực tiễn	Hoàng Văn Vân	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010, Việt Nam	
58	How Languages are Learned (Fourth Edition) Oxford Handbooks for Language Teachers (English Edition)	Patsy M. Lightbown & Nina Spada	Oxford University Press, 2012, Anh Quốc	
59	An introduction to second language acquisition research	Diane Larsen-Freeman and Michael H. Long	Taylor &Francis Group LONDON AND NEW YORK	
60	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị nhân lực (Giáo trình)	Phan Thị Mai Hương	Nxb Lao động - xã hội, Việt Nam	
61	Bài tập tiếng Anh chuyên ngành Quản trị nhân lực	Lê Anh Tuấn	Nxb Dân Trí, Việt Nam	
62	Tiếng Anh chuyên ngành Công tác xã hội (Giáo trình)	Lê Anh Tuấn, Trần Thị Hằng, Hoàng Thị Hiền, Đàm Lan Hương	Nxb Dân Trí, Việt Nam	

TT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
63	Bài tập tiếng Anh chuyên ngành Công tác xã hội	Lê Anh Tuấn, Hoàng Thị Hiền, Lê Thị Thu Thủy, Phan Thị Thanh Tâm, Đàm Lan Hương, Vũ Thị Kim Anh	Nxb Dân Trí, Việt Nam	
64	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm (Giáo trình)	Khoa Ngoại Ngữ - ĐH Lao động - Xã hội	Nxb Lao động- Xã hội, Việt Nam	
65	Bài tập tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm	Khoa Ngoại Ngữ - ĐH Lao động - Xã hội	Nxb Lao động - Xã hội, Việt Nam	
66	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế lao động (Giáo trình)	Lê Anh Tuấn	Lưu hành nội bộ	
67	Bài tập Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế lao động	Kiều Linh	Lưu hành nội bộ	
68	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh (Giáo trình)	Lê Anh Tuấn	Nxb Dân Trí, Việt Nam	
69	Bài tập Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	Trịnh Thị Thủy	Nxb Dân Trí, Việt Nam	
70	Absolute Legal English (English for International Law) (Giáo trình)	Callanan Hellen & Edward Lynda	Ideal for Cambridge ILEC Preparation, 2020, Anh Quốc	
71	Bài tập Tiếng Anh chuyên ngành Luật	Khoa Ngoại Ngữ - Trường Đại học Lao động - Xã hội	Nxb Lao động - Xã hội, Việt Nam	
72	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán (Giáo trình)	Phan Thị Mai Hương	Nxb Lao động - Xã hội, Việt Nam	

TT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
73	Bài Tập Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	Phan Thị Mai Hương	Nxb Lao động - Xã hội, Việt Nam	
74	Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học - English for Psychology (Giáo trình)	Lê Anh Tuấn	Lưu hành nội bộ	
75	English for Psychology (Workbook)	Lê Thị Thu Thủy	Lưu hành nội bộ	
76	Tiếng Anh chuyên ngành Kiểm toán (Giáo trình)	Khoa Ngoại Ngữ - Trường Đại học Lao động - Xã hội	Lưu hành nội bộ	
77	Bài tập Tiếng Anh chuyên ngành Kiểm toán	Khoa Ngoại Ngữ - Trường Đại học Lao động - Xã hội	Lưu hành nội bộ	
78	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng (Giáo trình)	Phan Thị Mai Hương	Lưu hành nội bộ	
79	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin - English for Information Technology (Giáo trình)	Khoa Ngoại Ngữ - Trường Đại học Lao động - Xã hội	Lưu hành nội bộ	
80	Testing for Language Teachers (Second Edition) (Giáo trình)	Arthur Hughes	Cambridge University Press, 2003, Anh Quốc	
81	Fundamental Considerations in Language Testing	Lyle F. Bachman	Oxford University Press, 1995, Anh Quốc	
82	Language Testing and Assessment	Glenn Fulcher and Fred Davidson	Routledge, 2007, Mỹ	

TT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
83	Fundamaental considerations in language test	Lyle F.Bachman	Oxford University Press, Mỹ	
84	Hướng dẫn kỹ thuật dịch Anh – Việt (Giáo trình)	Nguyễn Quốc Hùng	Nxb Văn hóa dân tộc, 2005, Việt Nam	
85	Interpretation Techniques and Exercises	James Nolan	Cromwell Press Ltd, 2005, Mỹ	
86	Tiếng Anh dịch vụ khách sạn	Hồng quang	Nxb Giao thông vận tải, 2005, Việt Nam	
87	Tiếng Anh cho thư ký giám đốc	Hồng Quang	Nxb Giao thông vận tải, 2005, Việt Nam	
88	A University Grammar of English (Giáo trình)	Randolpoh Quirk & Sidney Greenbaum	Longman Group, 1987, Mỹ	
89	Semantics (Giáo trình)	Võ Đại Quang	Nxb Văn hóa - Thông tin, 2005, Việt Nam	
90	Semantics (Second Edition)	John I. Saeed	Blackwell Publishing, 2003, Mỹ	
91	The Semantics and Pracgmatics of Preposing	Gregory L. Ward	Garland Publishing, 1988, Mỹ	
92	Một số vấn đề cú pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng và âm vị học	Võ Đại Quang	Nxb Văn hóa - Thông tin, 2005, Việt Nam	
93	Giáo trình "Triết học Mác- Lênin"	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia	
94	Tài liệu hướng dẫn học tập Môn Triết học Mác- Lênin	Trường Đại học Lao Động - Xã hội	Nxb Lao động- Xã hội	
95	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia	

TT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
96	Tài liệu hướng dẫn học tập môn KTCT Mác - Lênin	Đông Thị Hồng, Phạm Thị Thủy	Nxb Lao động - Xã hội	
97	Tài liệu tập huấn môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia	
98	Tài liệu hướng dẫn học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh	Triệu Thị Trinh, Đoàn Thị Thu Hà	Nxb Lao động - Xã hội	
99	Tài liệu tập huấn môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia	
100	Tài liệu hướng dẫn học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sảnViệt Nam	Triệu Thị Trinh, Đỗ Thị Yến	Nxb Lao động - Xã hội	
101	Giáo trình "Chủ nghĩa xã hội khoa học"	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia	
102	Tài liệu hướng dẫn học tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đào Mai Phước, Vũ Thị Phương Mai	Lưu hành nội bộ	
103	Giáo trình "Pháp luật đại cương"	Đào Xuân Hội	Lưu hành nội bộ	
104	Bộ câu hỏi và bài tập Pháp luật đại cương	Nguyễn Thị Tuyết Vân	Nhà xuất bản Dân trí	
105	Giáo trình "Tin học cơ bản 1"	Nguyễn Thị Sinh Chi	Nxb Lao động - Xã hội	
106	Bài tập Tin học cơ bản 1	Vũ Thị Tuyết Lan, Tạ Tường Vi	Nxb Lao động - Xã hội	
107	Bài giảng Tin học cơ bản 2	Nguyễn Thị Sinh Chi	Nxb Lao động - Xã hội	
108	Bài tập Tin học cơ bản 2	Nguyễn Thanh Huyền, Bùi Thị Hồng Dung	Nxb Lao động- Xã hội	

TT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
109	Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Nxb Giáo dục Việt Nam	
110	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Quốc Vượng	Nxb Giáo dục	
111	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	Nxb Giáo dục	
112	Giáo trình Xã hội học đại cương và chuyên biệt	Trịnh Thị Chinh	Nxb Lao động - Xã hộ	
113	Xã hội học	Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng	Nxb Giáo dục	
114	Giáo trình Xã hội học	Lê Ngọc Hùng, Lưu Hồng Minh	Nxb Dân trí	
115	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	Nxb ĐHQG HN	
116	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Xuân Thức	Nxb ĐHQG HN	
117	Bài tập Tâm lý học	Nguyễn Thị Hiền	Nxb Lao động - Xã hội	
118	Giáo trình Lôgíc học	Nguyễn Thị Giáng Hương, Nguyễn Thị Vân Hà	Nxb Lao động - Xã hội	
119	Giáo trình Logic học đại cương	Nguyễn Như Hải	Nxb Giáo dục	
120	对外汉语本科系列教材-语言技能类 - 一年级教材- 修订本（第一册，上)	杨寄洲	北京语言大学出版社, 北京.	
121	Tập viết chữ Hán	Trần Thị Thanh Liêm	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội	

TT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
122	对外汉语本科系列教材-语言技能类 - 一年级教材- 修订本第一册，下)	杨寄洲	北京语言大学出版社, 北京.	
123	Tập viết chữ Hán.	Ngọc Hân	Nxb Đại học quốc gia Hà Nội	
124	对外汉语本科系列教材-语言技能类 - 一年级教材- 修订本 (第 = 册，上)	杨寄洲	北京语言大学出版社, 北京.	
125	Bài giảng Thể dục - Điền kinh	Lê Thị Chung Hiếu và Phạm Đức Long	Lưu hành nội bộ	
126	Giáo trình bóng chuyền		Nxb Đại học Sư phạm	
127	Bài giảng bóng rổ	Nguyễn Thị Hường	Lưu hành nội bộ	
128	Bài giảng Cầu lông	Nguyễn Đức Toàn	Lưu hành nội bộ	
129	Giáo trình Cầu lông	Huỳnh Trọng Khải, Châu Vĩnh Huy	Lưu hành nội bộ	
130	Cầu lông	Bành Mỹ Lệ, Hậu Chính Khánh	Nxb TDTT Hà Nội	
131	Giáo trình cờ vua	Đại học sư phạm TDTT Hà Nội	Nxb TDTT Hà Nội	
132	Giáo trình giáo dục quốc phòng, an ninh, tập I		Nxb Giáo dục Việt Nam	
133	Giáo trình Lịch sử quân sự		Nxb Quân đội nhân dân	
134	Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh		Nxb Quân đội nhân dân	

TT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
135	Luật dân quân tự vệ, Luật Quốc phòng		Nxb Lao động - Xã hội	
136	Giáo trình giáo dục quốc phòng, an ninh, tập II		Nxb giáo dục Việt Nam	
137	Giáo trình Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ		Nxb giáo dục Việt Nam	

Trang thông tin điện tử của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ: http://www.ulsa.edu.vn/ được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục, cũng như những thông tin khác cần công khai theo quy định. Cụ thể như sau:

- Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ:

http://www.ulsa.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2017(1).pdf

- Công khai chất lượng đào tạo thực tế của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ:

http://www.ulsa.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bieu%20mau%20so%2018%20Cong%20khai%20TT%20CLDT%20thuc%20te%20DH%20LDXH%202018-2019.pdf

- Công khai cơ sở vật chất của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ:

http://www.ulsa.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2019(2).pdf

- Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ:

http://www.ulsa.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2020(1).pdf

- Công khai tài chính của của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ:

http://www.ulsa.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2021(1).pdf

1.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Trong giai đoạn 2017-2021, Trường Đại học Lao động - Xã hội đã thực hiện 433 đề tài, trong đó có 01 đề tài cấp Nhà nước và 19 đề tài cấp Bộ; Trường đã biên soạn, biên dịch được 217 giáo trình, tài liệu; Trường có 1110 bài đăng tạp chí, trong đó có 187 bài đăng tạp chí quốc tế (78 bài đăng đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scopus hoặc ISI); Trường có 1589 bài đăng kỷ yếu hội thảo, trong đó có 120 bài đăng

kỷ yếu hội thảo quốc tế. Những công trình khoa học đã góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ, giảng viên trong Trường.

Số TT	Nội dung	Số lượng		Ghi chú
		Tổng	Khoa Ngoại ngữ	
1.	**Đề tài**	**433**	**12**	
	Cấp Quốc gia	1	0	
	Cấp Bộ	19	0	
	Cấp Trường	413	12	
2.	**Giáo trình, tài liệu**	**217**	9	
3.	**Bài đăng tạp chí**	**1110**	59	
	Bài đăng tạp chí trong nước	923	59	
	Bài đăng tạp chí quốc tế (tổng)	187	0	
	Bài đăng tạp chí quốc tế (đăng trên tạp chí thuộc danh mục Schopus hoặc ISI)	78	0	
4.	**Bài đăng kỷ yếu hội thảo**	**1709**	**14**	
	Bài đăng kỷ yếu hội thảo trong nước	1589	11	
	Bài đăng kỷ yếu hội thảo quốc tế	120	3	

Công tác nghiên cứu khoa học của Khoa Ngoại ngữ cũng đã đạt được những kết quả rất tốt. Đội ngũ giảng viên của Khoa đã thực hiện 12 đề tài, viết 9 giáo trình, tài liệu, 59 bài đăng tạp chí và 14 bài đăng kỷ yếu hội thảo.

1.4. Hợp tác quốc tế

Trong những năm qua, trường có quan hệ hợp tác với hơn 30 tổ chức và trường đại học trên thế giới như: Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF), Tổ chức Lao động thế giới (ILO), Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ Vì nhân dân châu Á - Thái Bình Dương (AFAP), Quỹ Quốc tế Singapore, các tổ chức: Actoin Aid, CIDA (Canada), Caritas (Đức), WWO (Hoa Kỳ), CFSI; Trường Đại học Memorial (Canada), Đại học Phụ nữ Philipin, ... Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hợp tác đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị nhân lực với trường đại học Limkokwing của Malaysia; tham gia nhiều dự án hợp tác, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lao động do chính phủ và một số tổ chức quốc tế tài trợ như dự án SIIR về quan hệ lao động, dự án Canada pha 2 về tăng cường năng lực cho giảm nghèo thông qua đào tạo… Các dự án tài trợ, hợp tác quốc tế đã mang lại nhiều cơ hội cho Nhà trường và góp phần nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ giảng viên trong việc học tập, giảng dạy, nghiên cứu, các hoạt động thực tiễn… Cũng từ đó, vị thế của Trường Đại học Lao động - Xã hội cũng từng bước được nâng cao.

Các dự án về chuyển giao công nghệ điều trị nghiện chất phòng, chống HIV do Đại học California, Los Angles (UCLA) tài trợ từ nguồn kinh phí của Cục quản lý dịch vụ điều trị nghiện chất và sức khỏe tâm thần (SAMHSA) và dự án Thúc đẩy hòa nhập của người khuyết tật do Tổ chức Caritas tài trợ. Các dự án đã hỗ trợ nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên về lĩnh vực hòa nhập cho người khuyết tật, điều trị nghiện ma túy, mở rộng mạng lưới và mối quan hệ hợp tác giữa Trường với các cơ sở cai nghiện trong nước và các viện nghiên cứu và trường đại học trong và ngoài nước trong lĩnh vực điều trị nghiện ma túy.

2. Chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo

2.1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: NGÔN NGỮ ANH

Tên tiếng Anh: ENGLISH LANGUAGE

Mã ngành: 7220201

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy

Thời gian đào tạo: 4 năm

Tên văn bằng tốt nghiệp:

Tên tiếng Việt: Cử nhân Ngôn ngữ Anh

Tên tiếng Anh: Bachelor of English Language

2.2. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo

2.2.1. Căn cứ pháp lý

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 1 năm 2022 Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

2.2.2. Căn cứ thực tiễn

Chương trình đào tạo trong nước:

- Chương trình đào tạo đại học ngành Ngôn ngữ Anh (Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội);

- Chương trình đào tạo đại học ngành Ngôn ngữ Anh (Trường Đại học Hà Nội);

- Chương trình đào tạo đại học ngành Ngôn ngữ Anh (Học viện Báo chí và tuyên truyền).

Chương trình đào tạo quốc tế:

- Chương trình cử nhân Ngôn ngữ Anh (ĐH Melbourne, Australia);

- Chương trình cử nhân Ngôn ngữ Anh (ĐH Birmingham, Anh Quốc);

- Chương trình cử nhân Biên dịch (ĐH London Metropolitan, Anh Quốc).

2.3. Mục tiêu đào tạo

2.3.1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh đào tạo ra những sinh viên tốt nghiệp có đủ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong và năng lực nghề nghiệp tương xứng với trình độ được đào tạo, có năng lực tiếng Anh tối thiểu tương đương cấp độ 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để có thể đảm nhận các công việc biên dịch, phiên dịch, biên tập, giảng dạy, nghiên cứu, chuyên viên văn phòng cho các tổ chức giáo dục, văn hóa, kinh tế - xã hội, các cơ quan, sở, ban ngành, công ty trong và ngoài nước. Người học có thể tiếp tục học các khóa học chuyên sâu hoặc nâng cao sau khi tốt nghiệp.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Có kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn, ngôn ngữ và văn hóa, khoa học Mác-Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối cách mạng của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

PO2: Có kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu, kiến thức thực tế vững chắc về ngôn ngữ Anh và văn hóa các nước nói tiếng Anh; Có kiến thức về nghề nghiệp: biên-phiên dịch, giảng dạy tiếng Anh, văn phòng;

PO3: Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm và khả năng hình thành, phát triển thành chuyên gia trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh;

PO4: Có đầy đủ kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn trong thực tiễn;

PO5: Có kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ, sử dụng thành thạo tiếng Anh (tương đương cấp độ 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong môi trường giao tiếp đa văn hóa để đảm nhận công việc: biên dịch, phiên dịch; giảng dạy và nghiên cứu về lĩnh vực ngôn ngữ Anh; chuyên viên tại các công ty, sở ngoại vụ, ban/phòng đối ngoại, hợp tác quốc tế; tiếng Trung trong giao tiếp cơ bản (tương đương cấp độ 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam);

PO6: Có năng lực học tập, nghiên cứu, phát triển bản thân, có tư duy hệ thống và độc lập;

PO7: Có phẩm chất chính trị, tuân thủ pháp luật và có sức khỏe tốt;

PO8: Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác.

2.4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

2.4.1. Chuẩn đầu ra

MÃ HÓA	CHUẨN ĐẦU RA
I. KIẾN THỨC	
CĐR1 (PLO1)	Có khả năng hệ thống những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và pháp luật.
CĐR2	Có khả năng hệ thống hóa khối kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học

MÃ HÓA	CHUẨN ĐẦU RA
(PLO2)	xã hội và nhân văn để mô tả các hiện tượng liên quan đến lĩnh vực ngôn ngữ Anh và ứng dụng để giải quyết các vấn đề liên quan trong lĩnh vực ngôn ngữ.
CĐR3 (PLO3)	Có kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất để tự rèn luyện về thể chất.
CĐR4 (PLO4)	Nắm vững kiến thức lý thuyết về ngôn ngữ Anh để nghiên cứu và giải quyết các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ Anh.
CĐR5 (PLO5)	Có khả năng nghe, nói, trình bày, bình luận về tin tức, sự kiện, các bài phân tích, nghiên cứu về chuyên ngành ngôn ngữ Anh, quan hệ quốc tế; am hiểu về văn hóa, đất nước con người, xã hội...của các quốc gia nói tiếng Anh.
CĐR6 (PLO6)	Am hiểu và vận dụng được kiến thức tiếng Anh chuyên ngành về quan hệ quốc tế, kinh tế quốc tế, truyền thông quốc tế và luật quốc tế…
CĐR7 (PLO7)	Có khả năng thực hiện công tác biên phiên dịch trong lĩnh vực đối ngoại và hợp tác quốc tế.
II. KỸ NĂNG	
CĐR8 (PLO8)	Hình thành, tăng cường kỹ năng phản biện, phê phán, kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tự học nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực về ngôn ngữ Anh.
CĐR9 (PLO9)	Hình thành tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học về các vấn đề ngôn ngữ, văn hóa - văn minh của các nước thuộc cộng đồng Anh ngữ.
CĐR10 (PLO10)	Ứng dụng các kỹ năng mềm như kỹ năng chủ trì hội nghị, quan hệ công chúng, tiếp xúc báo chí, trả lời phỏng vấn, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, làm việc độc lập, làm việc nhóm, thuyết trình, đàm phán, tư duy phản biện, quản lý lãnh đạo...giúp người học giải quyết những công việc chuyên môn cụ thể hoặc phức tạp liên quan đến chuyên ngành ngôn ngữ Anh và quan hệ quốc tế đòi hỏi vận dụng cả chuyên môn, nghiệp vụ và các kỹ năng mềm trong học tập và làm việc.
III. NĂNG LỰC TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM	
CĐR11 (PLO11)	Có khả năng tự học, nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.
CĐR12 (PLO12)	Nhân ái, chia sẻ khó khăn với cộng đồng; trung thực khách quan; có trách nhiệm trong công việc, cầu thị, hợp tác; có trách nhiệm công dân, tuân thủ hiến pháp và pháp luật, xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
IV. TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC	
TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ (PLO13)	Sử dụng thành thạo tiếng Anh (tương đương cấp độ 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam); sử dụng được tiếng Trung trong giao tiếp cơ bản (tương đương cấp độ 3 theo Khung năng lực

MÃ HÓA	CHUẨN ĐẦU RA
	ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).
TRÌNH ĐỘ TIN HỌC (PLO14)	Người học tốt nghiệp có khả năng sử dụng thành thạo tin học cơ bản đạt chuẩn đầu ra quy định tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc tương đương. Sử dụng thành thạo phần mềm cần thiết phục vụ công việc chuyên môn.

2.4.2. Kết quả mong đợi của chương trình đào tạo

Mã hóa	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể							
		PO 1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5	PO 6	PO 7	PO 8
I. KIẾN THỨC									
CĐR1 (PLO1)	Có khả năng hệ thống những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và pháp luật.	x							
CĐR2 (PLO2)	Có khả năng hệ thống hóa khối kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn để mô tả các hiện tượng liên quan đến lĩnh vực ngôn ngữ Anh và ứng dụng để giải quyết các vấn đề liên quan trong lĩnh vực ngôn ngữ.	x	x			x			
CĐR3 (PLO3)	Có kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất để tự rèn luyện về thể chất.	x		x					
CĐR4 (PLO4)	Nắm vững kiến thức lý thuyết về ngôn ngữ Anh để nghiên cứu và giải quyết các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ Anh.	x	x						
CĐR5 (PLO5)	Có khả năng nghe, nói, trình bày, bình luận về tin tức, sự kiện, các bài phân tích, nghiên cứu về	x	x			x			x

Mã hóa	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể							
		PO 1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5	PO 6	PO 7	PO 8
	chuyên ngành ngôn ngữ Anh, quan hệ quốc tế; am hiểu về văn hóa, đất nước con người, xã hội...của các quốc gia nói tiếng Anh.								
CĐR6 (PLO6)	Am hiểu và vận dụng được kiến thức tiếng Anh chuyên ngành về quan hệ quốc tế, kinh tế quốc tế, truyền thông quốc tế và luật quốc tế…	x	x		x		x	x	x
CĐR7 (PLO7)	Có khả năng thực hiện công tác biên phiên dịch trong lĩnh vực đối ngoại và hợp tác quốc tế.		x		x				x
II. KỸ NĂNG									
CĐR8 (PLO8)	Hình thành, tăng cường kỹ năng phản biện, phê phán, kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tự học nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực về ngôn ngữ Anh.		x		x	x			x
CĐR9 (PLO9)	Hình thành tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học về các vấn đề ngôn ngữ, văn hóa - văn minh của các nước thuộc cộng đồng Anh ngữ.		x		x		x		
CĐR10 (PLO10)	Ứng dụng các kỹ năng mềm như kỹ năng chủ trì hội nghị, quan hệ công chúng, tiếp xúc báo chí, trả lời phỏng vấn, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, làm việc độc		x			x			

Mã hóa	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể							
		PO 1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5	PO 6	PO 7	PO 8
	lập, làm việc nhóm, thuyết trình, đàm phán, tư duy phản biện, quản lý lãnh đạo...giúp người học giải quyết những công việc chuyên môn cụ thể hoặc phức tạp liên quan đến chuyên ngành ngôn ngữ Anh và quan hệ quốc tế đòi hỏi vận dụng cả chuyên môn, nghiệp vụ và các kỹ năng mềm trong học tập và làm việc.								
III. NĂNG LỰC TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM									
CĐR11 (PLO11)	Có khả năng tự học, nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.		x	x			x	x	x
CĐR12 (PLO12)	Nhân ái, chia sẻ khó khăn với cộng đồng; trung thực khách quan; có trách nhiệm trong công việc, cầu thị, hợp tác; có trách nhiệm công dân, tuân thủ hiến pháp và pháp luật, xây dựng và bảo vệ tổ quốc.			x			x	x	x
IV. TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC									
TRÌNH ĐỘ	Sử dụng thành thạo tiếng Anh (tương đương cấp		x			x	x		

Mã hóa	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể							
		PO 1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5	PO 6	PO 7	PO 8
NGOẠI NGỮ (PLO13)	độ 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam); sử dụng được tiếng Trung trong giao tiếp cơ bản (tương đương cấp độ 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).								
TRÌNH ĐỘ TIN HỌC (PLO14)	Người học tốt nghiệp có khả năng sử dụng thành thạo tin học cơ bản đạt chuẩn đầu ra quy định tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc tương đương. Sử dụng thành thạo phần mềm cần thiết phục vụ công việc chuyên môn.		x			x	x		

2.5. Những vị trí việc làm mà người học sau khi tốt nghiệp có thể làm được

- Chuyên viên biên phiên dịch tại các trung tâm, công ty dịch thuật, các hãng thông tấn báo chí, các nhà xuất bản, cơ quan ngoại giao và doanh nghiệp;
- Chuyên viên văn phòng và quan hệ công chúng trong các công ty, cơ quan văn hóa, giáo dục, kinh tế;
- Chuyên viên giao dịch khách hàng có yếu tố nước ngoài tại các công ty, doanh nghiệp;
- Chuyên viên văn thư phụ trách biên phiên dịch tài liệu cho các công ty, doanh nghiệp;
- Chuyên viên tiếp tân tại các khách sạn, nhà hàng có tiếp xúc với khách nước ngoài;
- Hướng dẫn viên du lịch cho khách nước ngoài.
- Các công việc liên quan đến lĩnh vực quan hệ quốc tế và đối ngoại tại các doanh nghiệp, các cơ quan truyền thông, các tổ chức kinh tế, xã hội của Việt Nam và quốc tế;

- Có thể đảm nhiệm các vị trí khác trong các phòng chức năng của các tổ chức, các công ty nước ngoài hay liên doanh với nước ngoài, các tổ chức, cơ quan có sử dụng tiếng Anh trong giao dịch, kinh doanh như: bán hàng, dịch vụ khách hàng, xuất nhập khẩu, marketing …

- Giáo viên tiếng Anh tại các trường học và trung tâm tiếng Anh;

- Chuyên viên tư vấn, điều phối, đào tạo các lớp tiếng Anh tại các trung tâm Anh ngữ, các trường đại học, viện nghiên cứu, các cơ sở giáo dục và công ty;

- Chuyên viên tại các cục đào tạo và khảo thí tiếng Anh trong và ngoài nước;

- Chuyên viên nghiên cứu về chương trình, phương pháp giảng dạy tiếng Anh tại các trường, viện, cơ sở giáo dục.

- Làm việc trực tiếp cho các công ty thuộc lĩnh vực báo chí, truyền thông như quan hệ công chúng, marketing, quảng cáo, phát thanh và truyền hình, cụ thể: làm MC cho các sự kiện và chương trình truyền trình; viết bài báo, viết bản tin như một phóng viên; biên soạn, biên tập nội dung như một chuyên viên cho một chuyên mục đặc thù cho từng lĩnh vực như chuyên mục kinh tế trong các cơ quan truyền thông; đánh giá, phản biện; quảng bá; và cao cấp hơn là làm các công việc như điều hành, quản lý, sản xuất chương trình;

- Làm việc cho các công ty trong và ngoài nước chuyên về marketing, quảng cáo hoặc thuộc bộ phận marketing, quảng cáo và thực hiện công việc quảng bá sản phẩm, mẫu mã, thương hiệu của công ty cho khách hàng, công chúng, đối tác và thị trường quốc tế;

- Có thể xây dựng thương hiệu; làm đại diện thương hiệu, và quảng bá hình ảnh cho các công ty vì có thế mạnh trong giao tiếp nhất là giao tiếp bằng tiếng Anh;

- Làm nhân viên sales, phát triển thị trường, quảng cáo tiếp thị, PR, quan hệ đối ngoại, chuyên viên CEO, chạy quảng cáo cho các website như FB, Zalo, trường học, công ty…

2.6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh có thể đeo đuổi các bậc học cao hơn các ngành hiện được đào tạo tại Việt Nam như Thạc sỹ Lý luận và giảng dạy tiếng Anh (MA in TESOL), Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh (MA in English language), Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, thạc sĩ Quản trị truyền thông. Bên cạnh đó, sinh viên cũng có thể chọn đi du học ở các nước nói tiếng Anh với các lựa chọn ngành học đa dạng hơn.

2.7. Đối tượng tuyển sinh

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

2.8. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Quy trình đào tạo

Hình thức đào tạo tín chỉ, theo quy định chung của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

Điều kiện tốt nghiệp

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

2.9. Cách thức đánh giá

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

2.10. Cấu trúc chương trình đào tạo

2.10.1. Khối kiến thức toàn khóa

Kiến thức toàn khóa học: 121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 giờ) không tích lũy. Trong đó:

Khối kiến thức và lập luận về ngành		**Số tín chỉ**	**Tỷ lệ %**
1.1	***Kiến thức cơ bản, nền tảng về ngành***	**12**	9,91%
1.2	***Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi***	**38**	31,4%
1.3	***Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ***	**40**	33,05%
1.4	***Kiến thức nền tảng rộng***	**19**	15,7%
1.4.1	***Khoa học chính trị***	*11*	9,09%
1.4.2	***Pháp luật***	*2*	1,65%
1.4.3	***Tin học***	*4*	3,3%
1.4.4	***Phương pháp luận nghiên cứu khoa học***	*2*	1,65%
1.5	***Kiến thức ngành khác***	**4**	3,3%
1.6	***Kiến thức đại cương khác***	***8***	6,6%
1.6.1	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung Quốc)	*8*	6,6%
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy		
1.6.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 giờ) không tích lũy		
Tổng cộng:		**121**	**100%**

2.10.2.Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ (*Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thực tập - TT*)					Mã học phần học trước	Mã học phần song hành
		Tiếng Việt	**Tiếng Anh**	**Tổng**	**LT**	**TH**	**ĐA**	**TT**		
1.1	**Khối kiến thức cơ bản, nền tảng về ngành**			**12**						
1.1.1	***Các học phần bắt buộc***			***8***						
1.1.1.1	DLNN0622H	Dẫn luận ngôn ngữ	Introduction to Linguistics	2	2					
1.1.1.2	TVTH0622H	Tiếng Việt thực hành	Vietnamese in Use	2	2					
1.1.1.3	VHAM0622H	Văn học Anh- Mỹ	British - American Literature	2	2					
1.1.1.4	GTVH0622H	Giao tiếp liên văn hóa	Intercultural Communication	2	2					
1.1.2	***Các học phần tự chọn (chọn 2/4)***			**4**						
1.1.2.1	NNĐC0622H	Ngôn ngữ học đối chiếu	Contrastive Linguistics	2	2					
1.1.2.2	PTDN0622H	Phân tích diễn ngôn	Discourse Analysis	2	2					
1.1.2.3	ĐNAM0622H	Đất nước học Anh- Mỹ	British - American Studies	2	2					
1.1.2.4	NNƯD0622H	Ngôn ngữ học ứng dụng	Applied Linguistics	2	2					
1.2	**Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi**			**38**						
1.2.1	***Các học phần bắt buộc***			***34***						
1.2.1.1	KNG10622H	Kỹ năng nghe tiếng Anh 1	Listening 1	2		2				
1.2.1.2	KNN10622H	Kỹ năng nói tiếng Anh 1	Speaking 1	2		2				
1.2.1.3	KNĐ10622H	Kỹ năng đọc tiếng Anh 1	Reading 1	2		2				
1.2.1.4	KNV10622H	Kỹ năng viết tiếng Anh 1	Writing 1	2		2				
1.2.1.5	KNG20622H	Kỹ năng nghe tiếng Anh 2	Listening 2	2		2				
1.2.1.6	KNN20622H	Kỹ năng nói tiếng Anh 2	Speaking 2	2		2				
1.2.1.7	KNĐ20622H	Kỹ năng đọc tiếng Anh 2	Reading 2	2		2				
1.2.1.8	KNV20622H	Kỹ năng viết tiếng Anh 2	Writing 2	2		2				
1.2.1.9	KNG30622H	Kỹ năng nghe tiếng Anh 3	Listening 3	2		2				

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ (Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thực tập - TT)					Mã học phần học trước	Mã học phần song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH	ĐA	TT		
1.2.1.10	KNN30622H	Kỹ năng nói tiếng Anh 3	Speaking 3	2		2				
1.2.1.11	KNĐ30622H	Kỹ năng đọc tiếng Anh 3	Reading 3	2		2				
1.2.1.12	KNV30622H	Kỹ năng viết tiếng Anh 3	Writing 3	2		2				
1.2.1.13	TAHT0622H	Tiếng Anh viết học thuật	Academic Written English	2	2					
1.2.1.14	NPTA0622H	Ngữ pháp tiếng Anh	English Grammar	2	2					
1.2.1.15	NAAV0622H	Ngữ âm và âm vị học tiếng Anh	English Phonetics and Phonology	2	2					
1.2.1.16	TVTA0622H	Từ vựng học tiếng Anh	English Lexicology	2	2					
1.2.1.17	LTDI0622H	Lý thuyết dịch	Translation Theory	2	2					
1.2.2	***Học phần tự chọn (chọn 2/4)***			***4***						
1.2.2.1	KNTT0622H	Kỹ năng thuyết trình Tiếng Anh	English Presentation Skills	2	2					
1.2.2.2	TATC0622H	Tiếng Anh toàn cầu	English as a Global Language	2	2					
1.2.2.3	PPGD0622H	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	English Teaching Methods	2	2					
1.2.2.4	TTNN0622H	Tiếp thụ ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai	First and Second Language Acquisition	2	2					
1.3	**Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ**			**40**						
1.3.1	***Học phần bắt buộc***			***24***						
1.3.1.1	TAQT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị nhân lực	English for Human Resource Management	3	1	2				
1.3.1.2	TACT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Công tác xã hội	English for Social Work	3	1	2				
1.3.1.3	TABH0623H	Tiếng Anh chuyên ngành	English for Insurance	3	1	2				

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ (Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thực tập - TT)					Mã học phần học trước	Mã học phần song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH	ĐA	TT		
		Bảo hiểm								
1.3.1.4	AKLD0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế lao động	English for Labour Economics	3	1	2				
1.3.1.5	TAKD0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	English for Business Administration	3	1	2				
1.3.1.6	ALUA0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	English for Laws	3	1	2				
1.3.1.7	TAKT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	English for Accounting	3	1	2				
1.3.1.8	TATL0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học	English for Psychology	3	1	2				
1.3.2	***Học phần tự chọn (chọn 2/4)***			**6**						
1.3.2.1	AKIT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kiểm toán	English for Auditing	3	1	2				
1.3.2.2	TANH0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng	English for Finance and Banking	3	1	2				
1.3.2.3	TATT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	English for IT	3	1	2				
1.3.2.4	KTĐG0623H	Kiểm tra, đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh	Testing and Assessment in English Teaching	3	1	2				
1.3.3	***TTCK0624T***	***Thực tập cuối khóa***	Final Internship	**4**		4				
1.3.4	**Học phần thay thế hoặc khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)**			**6**		6				
1.3.4.1	BDPD0623H	Biên- Phiên dịch nâng cao	Advanced Interpretation and	3	3					

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ (Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thực tập - TT)					Mã học phần học trước	Mã học phần song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH	ĐA	TT		
			Translation							
1.3.4.2	LTTA0623H	Lý thuyết Tiếng Anh tổng hợp	Integrated Theories of English Language	3	3					
1.3.4.3	KLTN0626T	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	6						
1.4	**Kiến thức nền tảng rộng**			**19**						
1.4.1	**Khoa học chính trị**			**11**						
1.4.1.1	THML0723H	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	3	3					
1.4.1.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	2	2					
1.4.1.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2					
1.4.1.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of Vietnamese Communist Party	2	2					
1.4.1.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	2					
1.4.2	**Pháp luật**			**2**						
1.4.2.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	**2**	2					
1.4.3	**Tin học và nghiên cứu khoa học**			**6**						
1.4.3.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	Basic Informatics 1	***2***	2					
1.4.3.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	Basic Informatics 2	2	2					
1.4.3.3	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Research Methodology	2	2					
1.5	**Kiến thức khác ngành**			**4**						
1.5.1	***Hoc phần tự chọn (chọn 2/4)***			4	4					

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ (*Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thực tập - TT*)					Mã học phần học trước	Mã học phần song hành
		Tiếng Việt	**Tiếng Anh**	**Tổng**	**LT**	**TH**	**ĐA**	**TT**		
1.5.1.1	ĐCVH0322L	Đại cương Văn hóa Việt Nam	Introduction to Vietnamese Culture	2	2					
1.5.1.2	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	Introduction to Sociology	2	2					
1.5.1.3	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	Introduction to Psychology	2	2					
1.5.1.4	LOGI0722L	Logic học	Logics	2	2					
1.6	**Kiến thức đại cương khác**									
1.6.1	**Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung Quốc)**		Foreign Language 2	**8**	8					
1.6.1.1	TTQ10623H	Tiếng Trung Quốc 1	Chinese 1	3	3					
1.6.1.2	TTQ20623H	Tiếng Trung Quốc 2	Chinese 2	3	3					
1.6.1.3	TTQ30623H	Tiếng Trung Quốc 3	Chinese 3	2	2					
1.6.2	***Giáo dục thể chất (3 TC)***									
1.6.2.1	**Các học phần bắt buộc**									
	TDĐK1421T	Thể dục - Điền kinh	Gymnastics and Athletics	1		1				
1.6.2.2	**Các học phần tự chọn (2/6 HP)**									
	BOC11421T	Bóng chuyền 1	Volley ball 1	1		1				
	BOC21421T	Bóng chuyền 2	Volley ball 2	1		1				
	BOR11421T	Bóng rổ 1	Basketball 1	1		1				
	BOR21421T	Bóng rổ 2	Basketball 2	1		1				
	CLO11421T	Cầu lông 1	Badminton 1	1		1				
	CLO21421T	Cầu lông 2	Badminton 2	1		1				
	Các học phần dành cho sinh viên hạn chế về sức khỏe									
	COV11421L	Cờ vua 1	Chess 1	1		1				
	COV21421L	Cờ vua 2	Chess 2	1		1				

TT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ (*Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thực tập - TT*)					Mã học phần học trước	Mã học phần song hành
		Tiếng Việt	**Tiếng Anh**	**Tổng**	**LT**	**TH**	**ĐA**	**TT**		
	COV31421L	Cờ vua 3	Chess 3	1		1				
1.6.3	***Giáo dục quốc phòng*** *(165 tiết)*									
1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	National defense and security guidelines of Vietnam communist party	3	3					
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	National defense and security	2	2					
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	General military	1	1					
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Infantry combat techniques and tactics	2		2				
Tổng cộng				**121**						

2.11. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Học kỳ							
				I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
1	DLNN0622H	Dẫn luận ngôn ngữ	2			2					
2	TVTH0622H	Tiếng Việt thực hành	2			2					
3	VHAM0622H	Văn học Anh - Mỹ	2				2				
4	GTVH0622H	Giao tiếp liên văn hóa	2				2				
5	NNĐC0622H	Ngôn ngữ học đối chiếu	2					4			
6	PTDN0622H	Phân tích diễn ngôn	2								
7	ĐNAM0622H	Đất nước học Anh - Mỹ	2								
8	NNƯD0622H	Ngôn ngữ học ứng dụng	2								
9	KNG10622H	Kỹ năng nghe tiếng Anh 1	2	2							
10	KNN10622H	Kỹ năng nói tiếng Anh 1	2	2							
11	KNĐ10622H	Kỹ năng đọc tiếng Anh 1	2	2							
12	KNV10622H	Kỹ năng viết tiếng Anh 1	2	2							
13	KNG20622H	Kỹ năng nghe tiếng Anh 2	2		2						
14	KNN20622H	Kỹ năng nói tiếng Anh 2	2		2						
15	KNĐ20622H	Kỹ năng đọc tiếng Anh 2	2		2						
16	KNV20622H	Kỹ năng viết tiếng Anh 2	2		2						
17	KNG30622H	Kỹ năng nghe tiếng Anh 3	2			2					
18	KNN30622H	Kỹ năng nói tiếng Anh 3	2			2					
19	KNĐ30622H	Kỹ năng đọc tiếng Anh 3	2			2					
20	KNV30622H	Kỹ năng viết tiếng Anh 3	2			2					
21	TAHT0622H	Tiếng Anh viết học thuật	2				2				
22	NPTA0622H	Ngữ pháp tiếng Anh	2				2				
23	NAAV0622H	Ngữ âm và âm vị học tiếng Anh	2				2				
24	TVTA0622H	Từ vựng học tiếng Anh	2					2			
25	LTDI0622H	Lý thuyết dịch	2					2			
26	KNTT0622H	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh	2						4		
27	TATC0622H	Tiếng Anh toàn cầu	2								
28	PPGD0622H	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2								
29	TTNN0622H	Tiếp thụ ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai	2								
30	TAQT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị nhân lực	3					3			
31	TACT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Công tác xã hội	3					3			
32	TABH0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm	3						3		

33	AKLD10623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế lao động	3						3		
34	TAKD0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	3						3		
35	ALUA0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3							3	
36	TAKT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lí học	3							3	
37	TATL0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	3							3	
38	AKIT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Kiểm toán	3							6	
39	TANH0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng	3								
40	TATT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	3								
41	KTĐG0623H	Kiểm tra, đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh	3								
42	TTCK0624T	Thực tập cuối khóa	4								4
43	KLTN0626T	Khóa luận tốt nghiệp	6								6
44	BDPD0623H	Biên - Phiên dịch nâng cao	3								
45	LTTA0623H	Lý thuyết tiếng Anh tổng hợp	3								
46	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	3	3							
47	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2							
48	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2						
49	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			2					
50	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		2						
51	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	2		2						
52	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2			2					
53	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	2	2							
54	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	2		2						
55	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam	2				4				
56	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	2								
57	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	2								
58	LOGI0722L	Logic học đại cương	2								
59	TTQ10623H	Tiếng Trung Quốc 1	3				3				
60	TTQ20623H	Tiếng Trung Quốc 2	3					3			
61	TTQ30623H	Tiếng Trung Quốc 3	2						2		

62	TDĐK1421T	Thể dục - Điền kinh	1		1						
63	BOC11421T	Bóng chuyền 1	1		1						
64	BOC21421T	Bóng chuyền 2	1		1						
65	BOR11421T	Bóng rổ 1	1		1						
66	BOR21421T	Bóng rổ 2	1		1						
67	CLO11421T	Cầu lông 1	1		1						
68	CLO21421T	Cầu lông 2	1		1						
69	COV11421L	Cờ vua 1	1		1						
70	COV21421L	Cờ vua 2	1		1						
71	COV31421L	Cờ vua 3	1		1						
72	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3							
73	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	2	2							
74	QSUC1421L	Quân sự chung	1	1							
75	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	2							
	Tổng		**121**	**15**	**16**	**16**	**17**	**17**	**15**	**15**	**10**

2.12. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

1. Dẫn luận ngôn ngữ

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm 5 chương giới thiệu cho sinh viên những khái niệm cơ bản và quan trọng nhất của ngôn ngữ học như bản chất và chức năng của ngôn ngữ, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ loài người. Ngoài ra, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ sở về ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp. Đó là cơ sở để sử dụng tốt ngôn ngữ tiếng Việt, làm tiền đề cho việc so sánh, đối chiếu hai ngôn ngữ.

2. Tiếng Việt thực hành

Số tín chỉ: 02

Học phần được thiết kế thành 5 chương. Mỗi chương gồm các phần được biên soạn đan xen vào nhau: lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Chương 1 tập trung vào các quy tắc chính tả tiếng Việt. Chương 2 tập trung vào quy tắc dùng từ tiếng Việt. Tương tự, nội dung chương 3 và chương 4 là rèn luyện kỹ năng viết câu tiếng Việt và viết đoạn văn. Chương 5 đi vào rèn luyện kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản.

3. Văn học Anh - Mỹ

Số tín chỉ: 02

Học phần được chia làm 2 phần: Văn học Anh và Văn học Mỹ. Học phần này thuộc khối kiến thức ngành, giới thiệu một số thời kì và tác giả tiêu biểu của dòng văn học Anh-Mỹ từ nửa đầu thế kỷ XIX đến thế kỷ XX.

4. Giao tiếp liên văn hóa

Số tin chỉ: 02

Học phần cung cấp một cách tiếp cận những nền văn hóa khác nhau, giúp người học thay đổi quan niệm về bối cảnh giao tiếp trong giai đoạn hiện nay, từ đó tiến hành giao tiếp có hiệu quả hơn trong công việc và cuộc sống; giới thiệu đến người học những giá trị văn hóa đối lập và những khác biệt trong giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trên thế giới, đồng thời, áp dụng những lý thuyết này trong việc xem xét những nền văn hóa quen thuộc (Việt Nam) và xa lạ.

5. Ngôn ngữ học đối chiếu

Số tín chỉ: 02

"Ngôn ngữ học đối chiếu" có phạm vi bao quát một lúc nhiều ngôn ngữ, thông thường là từng cặp ngôn ngữ của hai dân tộc tương ứng. Nhiệm vụ khám phá của nó là tìm ra sự giống nhau và khác nhau của hai phạm vi thuộc hai ngôn ngữ được đưa vào nghiên cứu. Những nghiên cứu theo loại này mang tính chất xuyên ngữ và liên/xuyên văn hóa, nghĩa là việc nghiên cứu bao giờ cũng liên đới với hai ngôn ngữ, đồng thời hai nền văn hóa.

6. Phân tích diễn ngôn

Số tín chỉ: 02

Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản về phân tích diễn ngôn. Khái niệm cơ bản về liên kết và mạch lạc. Khái niệm cơ bản và các trường hợp cụ thể của các phương tiện liên kết. Khái niệm cơ bản về ngữ cảnh và vai trò của ngữ cảnh trong việc hiểu và sản sinh diễn ngôn, cách thể hiện nội dung của diễn ngôn, cấu trúc tổ chức của diễn ngôn.

7. Đất nước học Anh - Mỹ

Số tín chỉ: 02

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đất nước, con người và văn hóa đặc trưng của Anh quốc và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ như đất nước, lịch sử phát triển của dân tộc, ngôn ngữ và các giá trị truyền thống, về thể chế chính trị, kinh tế, xã hội, gia đình và đời sống xã hội cộng đồng; về pháp luật, giáo dục, thể thao và lễ hội….

8. Ngôn ngữ học ứng dụng

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho người học những tri thức về đặc điểm cốt lõi của ngôn ngữ học ứng dụng; các nội dung cơ bản của ngôn ngữ học ứng dụng; cách thức tiếp nhận các Phương tiện của ngôn ngữ học ứng dụng. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các tri thức về phương pháp và kỹ năng trong phân tích từng phương diện của ngôn ngữ học ứng dụng.

9. Kỹ năng nghe tiếng Anh 1

Số tín chỉ: 02

Học phần này đảm bảo sinh viên đạt trình độ B1+. Thể loại và ngữ cảnh bài nghe đa dạng bao gồm giao tiếp hàng ngày, hội thoại trao đổi, bài nói chuyện, thông báo, bài

giảng, tin ngắn, phim tài liệu ngắn. Tốc độ bài nghe vừa phải, phát âm rõ ràng. Nội dung tập trung vào các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống. Học phần bổ sung một số bài nghe phức tạp hơn về hàm ý và nâng cao hơn về mặt từ vựng. Học phần giúp sinh viên nâng cao tính độc lập trong thực hành Nghe hiểu.

10. Kỹ năng nói tiếng Anh 1

Số tín chỉ: 02

Học phần giúp cho sinh viên phát triển kỹ năng nói hướng tới cấp độ B1+ (Trung cấp) theo khung CEFR (Common European Framework). Đây cũng là tiền đề để sinh viên có thể học tiếp học phần Kỹ năng nói tiếng Anh 2 (Cấp độ B2 - Trung cao cấp). Sau khi hoàn tất chương trình, ngoài việc sinh viên có thể tham gia thảo luận các chủ đề đã học một cách thuyết phục và có hệ thống ở trình độ trung cao, sinh viên còn xây dựng được những kỹ năng cơ bản cần thiết phục vụ các môn chuyên ngành.

11. Kỹ năng đọc tiếng Anh 1

Số tín chỉ: 02

Học phần trang bị cho sinh viên một lượng từ vựng học thuật nhất định cấp độ B1-B1+ thông qua các chủ đề bài học khác nhau và các hoạt động đọc trên lớp. Đồng thời, học phần nhằm củng cố các kỹ năng đọc sinh viên và giúp sinh viên tiếp tục phát triển những kỹ năng đọc này, thông qua các bài đọc học thuật và các hoạt động trên lớp.

12. Kỹ năng viết tiếng Anh 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên lượng từ vựng vựng và kiến thức nhất định ở cấp độ B1 thông qua các dạng viết về mô tả và tóm tắt một bản báo cáo. Chú trọng vào cấu trúc viết của một bài báo cáo, tính mạch lạc, cấu trúc ngôn ngữ, từ vựng và mức độ hoàn thành bài.

13. Kỹ năng nghe tiếng Anh 2

Số tín chỉ: 02

Học phần giúp sinh viên đạt được kỹ năng nghe hiểu tương đương trình độ B2. Thể loại và ngữ cảnh bài nghe tương tự như học phần Kỹ năng nghe tiếng Anh 1 nhưng độ dài và tính phức tạp, độ khó của từ vựng tăng lên. Tốc độ bài nghe gần với tốc độ người bản xứ, giọng nói đa dạng. Nội dung tập trung vào các chủ đề quen thuộc có tăng cường nội dung học thuật. Học phần đề cao tính tự lập, sáng tạo của sinh viên trong thực hành Nghe hiểu.

14. Kỹ năng nói tiếng Anh 2

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về hình thức nói ở cấp độ vận dụng tương đối tự nhiên, tương đương ở trình độ B1+ - B2 (dựa trên Khung chung Châu Âu-CEFR), và các chiến lược nói để sinh viên có thể giao tiếp trực diện một cách trực diện, biểu cảm một cách thành thạo. ý kiến và trình bày lý lẽ. Ngoài ra, sinh viên còn được nâng cao vốn từ vựng và kiến thức tổng hợp; tăng năng lực tự học, nghiên cứu, khai thác tài liệu liên quan đến chủ đề bài học.

15. Kỹ năng đọc tiếng Anh 2

Số tín chỉ: 02

Học phần giúp sinh viên phát triển các kỹ năng đọc đã được học ở học phần Kỹ năng đọc tiếng Anh 1. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên một lượng từ vựng học thuật nhất định theo các chủ đề bài học cấp độ B2 + - C1 thông qua các chủ đề bài học khác nhau và các hoạt động đọc trên lớp.

16. Kỹ năng viết tiếng Anh 2

Số tín chỉ: 02

Học phần phát triển kiến thức và kỹ năng viết các dạng bài luận học thuật trong tiếng Anh ở trình độ B2+ - C1, chú trọng các tiêu chí về tính mạch lạc, kết dính, cấu trúc ngôn ngữ, từ vựng và mức độ hoàn thành bài.

17. Kỹ năng nghe tiếng Anh 3

Số tín chỉ: 02

Học phần giúp sinh viên củng cố những kỹ năng nghe hiểu đã được rèn luyện ở học phần Kỹ năng nghe tiếng Anh 2, đảm bảo sinh viên đạt trình độ C1. Thể loại và ngữ cảnh bài nghe đa dạng, tăng cường ngữ liệu học thuật, và ngữ liệu gần với đời sống thực (tốc độ tương đối nhanh, có âm thanh nền và giọng địa phương). Học phần đề cao tính tự lập, sáng tạo và kiên trì của sinh viên trong thực hành Nghe hiểu.

18. Kỹ năng nói tiếng Anh 3

Số tín chỉ: 02

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ C1 thông qua các chủ điểm và tình huống đã được học trong chương trình; hoàn thiện phát âm và ngữ điệu nói tiếng Anh nhờ việc sử dụng kết hợp các phương tiện kỹ thuật như băng, đĩa và giáo cụ trực quan. Sinh viên có thể giao tiếp thông qua các chủ điểm, trao đổi thông tin, trình bày quan điểm, thái độ, cảm xúc.

19. Kỹ năng đọc tiếng Anh 3

Số tín chỉ: 02

Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng đọc bài báo từ ngắn đến dài, với độ khó tăng dần và giúp sinh viên phát triển những kỹ năng này ở cấp độ C1. Đồng thời học phần giúp trang bị cho sinh viên một lượng từ vựng báo chí nhất định, và lượng từ vựng theo các chủ đề khác nhau.

20. Kỹ năng viết tiếng Anh 3

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp kiến thứ về các đặc điểm, tiêu chí cơ bản của viết tin, nhằm phát triển kiến thức và kỹ năng viết các loại tin; đảm bảo sinh viên đạt trình độ B2+ - C1. Chú trọng các dạng cấu trúc tin, kỹ thuật viết tin, cách dẫn nhập (mở đầu, khởi, lead) và đặt tít (title) căn bản. Sinh viên có khả năng viết các tin ngắn về các sự kiện xảy ra trong cuộc sống.

21. Tiếng Anh viết học thuật

Số tín chỉ: 02

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy trình viết một bài luận, cách viết mở đầu, thân bài và kết luận, cách liên kết câu, đoạn, biết cách viết các thể loại luận khác nhau như kể chuyện, so sánh, nguyên nhân kết quả và nghị luận. Mặt khác, học phần cũng cung cấp cho sinh viên một số kiến thức và kỹ năng về cách lập dàn ý, phát triển luận điểm, liên kết đoạn trong bài luận, biết cách rà soát, chỉnh sửa, nhận xét phê bình và biên tập bài viết.

22. Ngữ pháp tiếng Anh

Số tín chỉ: 02

Học phần trang bị cho sinh viênc những kiến thức căn bản liên quan đến ngữ pháp tiếng Anh. Cụ thể, học phần cung cấp các chuyên đề ngữ pháp thường gặp như các thì của động từ, câu điều kiện, câu bị động, lời nói trực tiếp, gián tiếp, mệnh đề quan hệ và câu so sánh của tính từ và trạng từ. Sinh viên có cơ hội thực hành, củng cố và ôn tập nhiều dạng bài tập khác nhau trong mỗi đơn vị bài học.

23. Ngữ âm và Âm vị học Tiếng Anh

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp các cơ quan phát âm, các quy tắc và hệ thống phân loại các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh; chỉ ra các đặc điểm phát âm của các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh dựa trên hệ thống phân loại. Vận dụng kiến thức để cải thiện cách phát âm, giúp cho kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của mình tự tin và hiệu quả hơn.

24. Từ vựng học Tiếng Anh

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đối tượng, mục tiêu, vai trò của từ vựng học, từ đó thấy được sự khác biệt giữa nó và các môn học khác về ngôn ngữ. Phân biệt được các loại từ, các mối quan hệ về từ và nghĩa, sự đa nghĩa của ngôn ngữ cũng như mối quan hệ giữa nghĩa và người sử dụng. Áp dụng các kiến thức từ vựng học đã học để diễn đạt ý tưởng tốt nhất và hiệu quả nhất trong giao tiếp hằng ngày cũng như trong các tình huống giao tiếp kinh doanh.

25. Lý thuyết dịch

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về việc dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại. Qua đó sinh viên nắm được cấu trúc câu đặc trưng và vốn từ vựng phong phú của cả hai ngôn ngữ để dịch chính xác nội dung. Các bài học có đề tài về văn hóa, du lịch, kinh tế và y tế nhằm giúp sinh viên hình thành thói quen đọc đoán ý chính, ý phụ cũng như thảo luận đưa ra phương án dịch phù hợp.

26. Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp chi sinh vien cách thu thập tài liệu, lựa chọn và phát triển các đề tài cụ thể, chuẩn bị dàn ý chi tiết, thực hành trình bày tại lớp. Trong khi thuyết trình, sinh viên vận dụng những ngôn ngữ hình thể đã tìm hiểu được để làm cho bài nói của

mình thêm sinh động, thu hút người nghe. Từ đó giúp sinh viên hình thành và phát triển kỹ năng trình bày trước công chúng với lập luận chặt chẽ, phản biện logic trên tinh thần xây dựng không chỉ ở bộ môn này mà còn ở các bộ môn khác.

27. Tiếng Anh toàn cầu

Số tín chỉ: 02

Học phần giới thiệu cách thức và hệ quả của quá trình toàn cầu hóa đã biến tiếng Anh trở thành một ngôn ngữ quốc tế như thế nào, bản chất đa dạng của tiếng Anh ngày nay với tư cách như là một ngôn ngữ toàn cầu sẽ phát sinh những vấn đề trong việc dạy và học tiếng Anh; liệu chúng ta có cần tuân thủ một mô hình chuẩn mực vốn có của người bản ngữ nói tiếng Anh hay hướng đến sự chấp nhận và phát triển các biến thể tiếng Anh ngoài tiếng Anh bản ngữ.

28. Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

Số tín chỉ: 02

Học phần giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức sâu hơn về phương pháp giảng dạy tiếng Anh liên quan tới cách thức và chiến lược dạy hệ thống ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), phát triển kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) và thiết kế hoạt động dạy học một cách hiệu quả. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ được hướng dẫn cách thiết kế bài giảng, bài kiểm tra và tổ chức các hoạt động học phù hợp cho học sinh.

29. Tiếp thụ ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai

Số tín chỉ: 02

Học phần tập trung vào các vấn đề liên quan đến việc tiếp thụ ngôn ngữ thứ nhất và tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai, các vấn đề liên quan đến giải thích việc tiếp thụ ngôn ngữ thứ nhất và tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai.

30. Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị nhân lực

Số tín chỉ: 03

Học phần này bao quát các nội dung tiếng Anh về những lĩnh vực quan trọng trong quản trị nhân lực như kỹ năng quản lý, tuyển dụng, hợp đồng lao động, bảo hộ lao động và tiền lương tiền thưởng.

31. Tiếng Anh chuyên ngành Công tác xã hội

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho người học những cụm từ và thuật ngữ cơ bản bằng tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành công tác xã hội như định nghĩa công tác xã hội, nhân viên công tác xã hội làm gì, tương tác trong công tác xã hội, giao tiếp trong công tác xã hội, công tác xã hội với cá nhân, nhóm và gia đình, buôn bán phụ nữ và trẻ em…để sinh viên có thể đọc hiểu tài liệu cơ bản bằng tiếng Anh về chuyên ngành công tác xã hội.

32. Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm

Số tín chỉ: 03

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, từ ngữ tiếng Anh cơ bản về chuyên ngành Bảo hiểm. Bên cạnh đó, rèn luyện thái độ tích cực, ý thức tự học và kỹ năng làm việc nhóm. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có khả năng đọc hiểu các thông tin cơ bản về ngành Bảo hiểm: Hiểu được các khái niệm, thuật ngữ tiếng Anh cơ bản về Bảo

hiểm; Nắm vững và sử dụng từ ngữ, thuật ngữ chuyên ngành phù hợp; Đọc hiểu các thông tin cơ bản về Bảo hiểm.

33. Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế lao động

Số tín chỉ: 03

Học phần này bao quát các nội dung tiếng Anh về những lĩnh vực quan trọng trong Kinh tế lao động như kỹ năng quản lý, tuyển dụng, hợp đồng lao động, bảo hộ lao động và tiền lương tiền thưởng...

34. Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho người học các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh liên quan đến những lĩnh vực quan trọng trong quản trị kinh doanh như marketing quốc tế, kế hoạch kinh doanh, hành vi tổ chức, kỹ năng quản lý và lãnh đạo…

35. Tiếng Anh chuyên ngành Luật

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, thuật ngữ tiếng Anh trong ngành luật như luật doanh nghiệp, luật lao động, luật bảo trợ xã hội, luật cạnh tranh, luật thương mại...

36. Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, thuật ngữ tiếng Anh trong ngành Kế toán như: lĩnh vực kế toán, các nguyên lý kế toán, sổ sách kế toán, các báo cáo tài chính, tài khoản ngân hàng, kiểm toán...

37. Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho người học kiến thức tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành tâm lí học như giới thiệu về tâm lí học, hành vi của con người và môi trường xã hội, phát triển nhận thức trong tâm lí học, phát triển cá tính…

38. Tiếng Anh chuyên ngành Kiểm toán

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho người học các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành Kiểm toán liên quan đến những lĩnh vực quan trọng trong Kiểm toán như chương trình Kiểm toán, lập kế hoạch Kiểm toán trong doanh nghiệp, thủ tục phân tích trong kiểm toán báo cáo tài chính….

39. Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng

Số tín chỉ: 03

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, thuật ngữ, từ vựng thông dụng về tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng và ôn tập lại các dạng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh

40. Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin

Số tín chỉ: 03

Học phần trang bị cho sinh viên các thuật ngữ, từ vựng thông dụng về tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin có liên quan đến máy tính, đặc điểm của máy tính, phần cứng và phần mềm, bảng mạch chủ, đĩa lưu trữ thông tin và ôn tập lại các dạng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh.

41. Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh

Số tín chỉ: 03

Học phần này cung cấp các khái niệm lý thuyết cơ bản và các vấn đề về đánh giá ngôn ngữ, cũng như năng lực trong việc tự mình xây dựng hoặc lựa chọn đúng những công cụ đánh giá sẵn có, viết báo cáo và phân tích các kết quả đánh giá. Học phần đi sâu phân tích các kỹ thuật kiểm tra, đánh giá trong dạy học Tiếng Anh như các nội dung về từ vựng, ngữ pháp và các kỹ năng ngôn ngữ, các bước cơ bản trong thiết kế một bài kiểm tra tiếng Anh phù hợp với yêu cầu của chương trình và trình độ người học.

42. Thực tập cuối khóa

Số tín chỉ: 04

Thực tập cuối khóa là điều kiện để sinh viên hoàn thành chương trình học tập tại trường. Sau đợt thực tập này sinh viên phải làm luận văn tốt nghiệp hoặc học và thi học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp để hoàn thành chương trình học tập. Thực tập cuối khóa giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp sau khi ra trường và giúp phát huy tối đa khả năng trí tuệ của mình, vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn để có được một cái nhìn mới mẻ và sâu sắc về nghề nghiệp của mình.

43. Biên - Phiên dịch nâng cao

Số tín chỉ: 03

Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức chuyên sâu và lí luận ngôn ngữ Anh vào hoạt động biên - phiên dịch, tiếp cận những kỹ năng dịch ở cấp độ nâng cao và các kỹ thuật dịch để làm việc với các loại văn bản khác nhau. Học phần cũng đồng thời giúp sinh viên tích lũy kiến thức về các vấn đề toàn cầu, xây dựng vốn từ vựng phong phú về các chủ đề quen thuộc, phát triển khả năng tự học và xây dựng ý thức tự rèn luyện. Dịch các văn bản, bài báo, tạp chí bằng tiếng Anh-Việt, thực hiện các hình thức bài tập: dịch cụm từ, dịch từng câu, dịch đoạn, sửa lỗi sai, chuyển đổi cách diễn đạt khác nhau…

44. Lý thuyết tiếng Anh tổng hợp

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp kiến thức lý thuyết nâng cao về ngữ âm và âm vị học tiếng Anh, từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Anh, và ngữ pháp lý thuyết tiếng Anh.

45. Khóa luận tốt nghiệp

Số tín chỉ: 06

Khóa luận tốt nghiệp được xem là một công trình nghiên cứu khoa học chỉ dành cho những người học đạt kết quả học tập tốt trong gần suốt 7 kì học của chương trình đào tạo bậc cử nhân Ngôn ngữ Anh dưới sự hỗ trợ của giáo viên hướng dẫn. Khóa luận tốt

nghiệp giúp người học vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào làm đề tài khóa luận tốt nghiệp một cách có khoa học và sáng tạo; rèn luyện và nâng cao khả năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo; rèn luyện cho người học tính tự vận động, độc lập trong nghiên cứu và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học.

46. Triết học Mác - Lênin

Số tín chỉ: 03

Học phần trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế- xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

47. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Số tín chỉ: 2

Nội dung học phần bao gồm 6 chương: chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác -Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

48. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số tín chỉ: 02

Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh được cấu trúc thành 6 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niêm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân, do dân và vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

49. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 02

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gồm 5 chương trình bày về: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018); và Chương tổng kết.

50. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Số tín chỉ: 02

Học gồm 7 chương trình bày nội dung tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

51. Pháp luật đại cương

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật; Quan hệ pháp luật; Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý; Hệ thống pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam; Pháp chế xã hội chủ nghĩa; pháp luật về phòng chống tham nhũng.

52. Tin học cơ bản 1

Số tín chỉ: 02

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức đại cương về tin học để có thể làm việc trên máy tính, làm việc với các phần mềm chạy trên nền Hệ điều hành Windows, trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản bằng Microsoft Word, kỹ năng tính toán, phân tích và tổng hợp dữ liệu bằng Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hoặc tương đương.

53. Tin học cơ bản 2

Số tín chỉ: 02

Học phần tin học cơ bản 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về cơ sở dữ liệu (Database), cơ sở dữ liệu quan hệ (Relational Database) và một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện nay.

54. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm 8 chương trình bày những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu khoa học, nhất là bài báo khoa học và khóa luận tốt nghiệp; Cách tổ chức thực hiện đề tài và đánh giá đề tài; Đạo đức khoa học; Đánh giá nghiên cứu khoa học.

55. Đại cương văn hóa Việt Nam

Số tín chỉ: 02

Học phần Đại cương văn hóa Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Văn hóa Việt: Khái niệm văn hóa, văn minh, giao lưu tiếp biến văn hóa, âm

dương ngũ hành; Các lý thuyết về văn hóa vùng miền, văn hóa ẩm thực, ăn mặc, tôn giáo, tín ngưỡng của con người Việt Nam.

56. Xã hội học đại cương

Số tín chỉ: 02

Xã hội học học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất và cơ sở xã hội của các vấn đề, các sự kiện xã hội; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu xã hội, khái quát sự hình thành và phát triển của xã hội học và các hiện tượng xã hội; Các khái niệm và một số lý thuyết cơ bản của xã hội học.

57. Tâm lý học đại cương

Số tín chỉ: 02

Tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.

58. Logic học

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm 6 chương, trình bày những kiến thức cơ bản của môn Lôgíc học, trong đó cung cấp những kiến thức sau: đối tượng và ý nghĩa của Lôgíc học, khái niệm, phán đoán, Những quy luật cơ bản của Lôgíc hình thức, suy luận, chứng minh, bác bỏ và giả thuyết nhằm rèn luyện và hình thành cho sinh viên thói quen suy nghĩ, lập luận chặt chẽ, rõ ràng, có cơ sở, có hệ thống để đạt tới những tri thức chính xác, khách quan và khoa học từ đó định hướng hoạt động thực tiễn.

59. Tiếng Trung Quốc 1

Số tín chỉ: 03

Học phần tiếng Trung Quốc 1 trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản về ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ pháp và những câu giao tiếp đơn giản theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Học phần gồm 10 nội dung chính được sắp xếp theo thứ tự tương ứng của các bài học từ bài 1 đến bài 10 trong Bộ giáo trình Hán ngữ đối ngoại - Tài liệu giảng dạy dành cho năm thứ nhất - Giáo trình tiếng Hán - Phiên bản mới (tập 1, quyển thượng)

60. Tiếng Trung Quốc 2

Số tín chỉ: 03

Học phần gồm 15 nội dung chính được sắp xếp theo thứ tự tương ứng của các bài học từ bài 16 đến bài 30 trong Bộ giáo trình Hán ngữ đối ngoại. Mỗi bài học gồm 5 phần: Bài khóa; từ mới; ngữ pháp, ngữ âm; luyện tập. Bắt đầu từ luyện tập ngữ âm cơ bản tiếng Hán, từ đó tiến hành giảng dạy kết cấu ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng, cuối cùng là giai đoạn giảng dạy ngữ đoạn, thông qua sự hiểu biết sâu hơn về ngữ pháp và vận dụng từ ngữ, để nâng cao hơn nữa khả năng biểu đạt thành đoạn văn của người học.

61. Tiếng Trung Quốc

Số tín chỉ: 02

Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thực hành tiếng để có thể vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và công việc chuyên môn sau này. Đồng thời, Học phần cung cấp cho người học những kiến thức từ vựng, ngữ pháp về các chủ đề gần gũi với cuộc sống và các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết ở trình độ tiền trung cấp. Học phần gồm 10 đơn vị bài học về các chủ đề khác nhau như: Âm nhạc, thời tiết, du lịch…

62. Thể dục - Điền kinh

Số tín chỉ: 01

Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng vận động về:

- Bài tập phát triển chung 13 động tác;
- Kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng; Một số điều Luật thi đấu môn nhảy cao.

63. Bóng chuyền 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt, đệm bóng bằng hai tay dưới thấp và kỹ thuật phát bóng.

64. Bóng chuyền 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng rổ như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

65. Bóng rổ 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng rổ như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

66. Bóng rổ 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng rổ như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

67. Cầu lông 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Cầu lông như: Cách cầm cầu, Cách cầm vợt,Các tư thế CBCB, Kỹ thuật di chuyển, Kỹ thuật phát cầu, Kỹ thuật đánh cầu thấp tay phải trái.

68. Cầu lông 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Cầu lông như: Cách cầm cầu, Cách cầm vợt, Các tư thế CBCB, Kỹ thuật di chuyển, Kỹ thuật phát cầu, Kỹ thuật đánh cầu thấp tay phải trái.

69. Cơ vua 1

Số tín chỉ: 01

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về cơ vua như nguồn gốc ra đời của môn cờ vua, lịch sử hình thành, phát triển của môn cờ vua trên trên thế giới và Việt Nam, xu hướng phát triển, tác dụng của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam, Giai đoạn tàn cuộc của ván đấu, một số điều luật trong cờ vua.

70. Cờ vua 2

Số tín chỉ: 01

Ôn tập nội dung chính của Cờ vua 1; giai đoạn khai cuộc của ván đấu; một số điều luật trong cờ vua.

71. Cờ vua 3

Số tín chỉ: 01

Ôn tập nội dung chính của cờ vua 2 và một phần cờ vua 1; giai đoạn trung cuộc của ván đấu; một số điều luật trong cờ vua.

72. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 03

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng,an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

73. Công tác quốc phòng an ninh

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Phòng, chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác, an ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống và vi phạm pháp luật trên không gian mạng ở Việt Nam.

74. Quân sự chung

Số tín chỉ: 01

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những nội dung cơ bản về quân sự, an ninh: hiểu biết về lịch sử ra đời, truyền thống của các quân binh chủng trong quân đội; các chế độ sinh hoạt, công tác trong ngày, tuần, các nề nếp chính quy trong đơn vị quân đội; hiểu biết và biết cách sử dụng bản đồ địa hình quân sự; hiểu biết về vũ khí công nghệ cao và cách phòng chống trong chiến tranh; rèn luyện và thi đấu ba môn quân sự phối hợp.

75. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Tính năng, cấu tạo, quy tắc sử dụng súng, lựu đạn. Trình tự các bước thực hành ngắm bắn và trình tự các bước thực hành ném lựu đạn. Kỹ thuật, chiến thuật trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và cảnh giới.

3. Cam kết thực hiện

1. Đề án đăng ký mở ngành đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, các thông tin về ba công khai, chuẩn đầu ra và các quy định liên quan về đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Lao động - Xã hội được đăng trên website của trường có địa chỉ là: http://ulsa.edu.vn.

2. Căn cứ vào năng lực thực tế của Trường và nhu cầu của thị trường lao động; căn cứ định hướng chỉ đạo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Trường đại học Lao động - Xã hội xây dựng đề án và tổ chức đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học từ năm học 2022 - 2023.

3. Hàng năm, Trường sẽ tổ chức rà soát, cập nhật tài liệu, đầu tư thêm thiết bị, tuyển dụng, ký hợp đồng thỉnh giảng để tăng cường cơ sở vật chất và đội ngũ phục vụ cho đào tạo ngành ngôn ngữ Anh

4. Trường đại học Lao động - Xã hội cam kết sẽ tổ chức đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học theo đúng đề án đăng ký và các quy định của pháp luật hiện hành.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng